

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 178/2025/HC-PT

Ngày: 27/11/2025

V/v: “*Khiếu kiện yêu cầu hủy quyết định hành chính*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn Thường**

Các thẩm phán:

Ông Trần Quốc Cường

Bà Võ Thị Ngọc Dung

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Duy Hoàng** - Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đinh Văn Chánh** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2025, tại Trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 87/2025/TLPT-HC ngày 17 tháng 9 năm 2025 về việc “*Khiếu kiện yêu cầu hủy quyết định hành chính*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 31/2025/HC-ST ngày 31/07/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 106A/2025/QĐ-PT ngày 10 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Công ty TNHH T6; Địa chỉ: Số B đường N, phường S, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu K - Chức vụ: Giám đốc;

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Phan Đức H; địa chỉ: Tầng B, tòa nhà T, số H đường N, phường H, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

- Người bị kiện: + Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam; Địa chỉ: K+825 Đại lộ T, phường T, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Lương Đình H1 - Chức vụ: Đại tá, Phó Tư lệnh Pháp luật; Bộ tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam:

1. Ông Hoàng Văn T – Trưởng phòng, phòng Pháp chế/Cục Nghiệp vụ và pháp luật - Bộ, có mặt.

2. Ông Nguyễn Đình P – Phó trưởng phòng, Phòng Hướng dẫn điều tra xử lý/Cục Nghiệp vụ và pháp luật - Bộ, có mặt.

3. Ông Nguyễn Đình H2 - Chức vụ: Thượng tá, Trợ lý Phòng hướng dẫn điều tra, xử lý Cục, có mặt.

+ Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 2; Địa chỉ: Xã N, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Doãn Ngọc T1 - Chức vụ: Đại tá, Phó Tư lệnh Pháp luật Bộ Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển B, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 2:

1. Ông Thái Văn H3 - Chức vụ: Trung tá, Trưởng phòng Phòng Pháp luật - Bộ B, có mặt.

2. Ông Nguyễn Tuấn A - Chức vụ: Thiếu tá, Đội trưởng Đội nghiệp vụ số A1 - Phòng B, có mặt.

3. Ông Nguyễn Lý H4 - Chức vụ: Đại úy, Đội trưởng Đội Phòng, chống tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia - Bộ B, có mặt.

4. Ông Hoàng Phước Trường G - Chức vụ: Thượng úy, Trợ lý - Cảnh sát viên Phòng Pháp luật Bộ Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 2, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: Công ty TNHH T6.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên toà, người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH T6 và người đại diện theo uỷ quyền của Công ty trình bày:

1. Đối với Quyết định xử phạt hành chính số 10/QĐ-XPHC ngày 26/01/2024 của Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 2.

Vào lúc 00 giờ, ngày 31/12/2023, tàu ĐNa-0480 thuộc sở hữu của Công ty TNHH T6 (*sau đây gọi tắt là Công ty T6*) đang neo đậu tại cầu cảng số 1 thuộc Cảng cá Âu thuyền T thì bị lực lượng Cảnh sát biển thuộc Bộ tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 2 (*sau đây gọi tắt là BTL Vùng CSB 2*) kiểm tra, lập biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC ngày 18/01/2024. Ngày 26/01/2024, Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 2 ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 10/QĐ-XPHC đối với Công ty T6 về hành vi mua hàng hoá (dầu DO chỉ tiêu lưu huỳnh không đạt yêu cầu) không có giấy tờ chứng minh tính hợp pháp của hàng hoá. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 10/QĐ-XPHC được ban hành không đúng trình tự, thủ tục và nội dung không phù hợp quy định pháp luật. Cụ thể:

Thứ nhất, về trình tự, thủ tục, Lực lượng Vùng Cảnh sát biển 2 không thực hiện việc khám phương tiện vận tải, đồ vật không đúng trình tự thủ tục, bởi:

Một là, việc dừng phương tiện khám là không đảm bảo quy định.

Căn cứ tại điểm a khoản 1 Điều 13 Luật Cảnh sát biển năm 2018 quy định về các trường hợp được dừng tàu thuyền để kiểm tra, kiểm soát bao gồm trường hợp trực tiếp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc dấu hiệu vi phạm pháp luật, tức tại thời điểm đó tàu thuyền phải đang có dấu hiệu bất thường như không chạy theo lộ trình thông thường hoặc dừng đỗ ở vùng biển xa bờ mà không có lý do hợp lý...

Tại thời điểm tổ công tác của BTL Vùng CSB 2 tiến hành kiểm tra tàu ĐNa 0480 thì tàu ĐNa 0480 đang neo đậu tại Cảng cá Âu thuyền T, chỉ hoạt động tại khu vực Cảng cá Âu thuyền Thọ Quang và không có hoạt động di chuyển từ Vịnh Đ về Cảng cá T đã được thuyền trưởng Hồ Đăng H5 trình bày tại Biên bản làm việc số 01/BB-LV ngày 31/12/2023 của BTL Vùng CSB 2 có chữ ký của người làm chứng (ông Lý Nam L). Thể hiện nội dung cụ thể: khoảng 21h00 ngày 30/12/2023, có 01 tàu cá không rõ số hiệu có liên lạc để ra cung cấp nước ngọt tại Âu thuyền T, Đà Nẵng. Tuy nhiên, khi tàu ĐNa 0480 ra địa điểm đã hẹn trước thì không thấy tàu cá trên, khi tàu hành trình vào lại Âu thuyền T thì bị lực lượng Cảnh sát biển kiểm tra. Việc di chuyển hoàn toàn nằm trong khu vực mà tàu biển được phép hoạt động, bên cạnh đó tàu ĐNa 0480 tại thời điểm đó không có bất cứ hoạt động mua bán cũng như thực hiện các hành vi bất thường nào thì không có một cơ sở nghi vấn nào được đặt ra và không có một trong những cơ sở để dừng tàu thuyền kiểm tra theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Luật Cảnh sát biển năm 2018 để lực lượng Cảnh sát biển có thể căn cứ vào chức năng nhiệm vụ này để kiểm tra tàu ĐNa-0480. Do đó, đầu tiên cần phải xác định việc Cảnh sát biển Vùng 2 đã dừng tàu ĐNa 0480 để kiểm tra khi chưa có cơ sở là không đúng quy định của pháp luật.

Hai là, việc khám phương tiện tàu ĐNa 0480 của Cảnh sát biển vùng 2 là chưa đúng trình tự thủ tục theo quy định tại Điều 128 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 sửa đổi bổ sung năm 2020. Cụ thể, điều này quy định việc khám phương tiện vận tải, đồ vật phải có quyết định bằng văn bản, khi tiến hành khám phương tiện vận tải, đồ vật phải có mặt chủ phương tiện vận tải, đồ vật hoặc người điều khiển phương tiện vận tải và 01 người chứng kiến; trong trường hợp chủ phương tiện, đồ vật hoặc người điều khiển phương tiện vắng mặt thì phải có 02 người chứng kiến. Mọi trường hợp khám phương tiện vận tải, đồ vật đều phải lập biên bản. Tuy nhiên, Lực lượng Vùng Cảnh sát biển 2 đã không tuân thủ quy định pháp luật nêu trên gây thất thoát lượng dầu được lưu trữ trên tàu ĐNa 0480 từ 49.175 lít xuống còn 36.961 lít.

Tại Văn bản trình bày ý kiến số 82/BTL-PL ngày 07/01/2025, BTL Vùng CSB 2 cho rằng: Tổ công tác BTL Vùng CSB 2 đã xác định được vị trí nơi cất giấu hàng hóa nghi là tang vật của vụ việc (tại các hầm hàng của tàu ĐNa-0480) nên không tiến hành khám tàu ĐNa-0480 theo khoản 2 Điều 120 và Điều 128 Luật Xử lý vi phạm hành chính là không đúng. Bởi thời điểm kiểm tra không có bất kỳ chứng cứ chứng minh được hàng hóa mà tàu ĐNa-0480 vận chuyển là tang vật, là hàng hóa trái phép, cụ thể: tại Biên bản số 01/BB-GNVV được Lực lượng Vùng Cảnh sát biển 2 lập lúc 0h15phút ngày 31/12/2023 chỉ ghi nhận vấn đề liên quan

đến thuyền viên cùng với hàng hóa có trên thuyền, Thuyền trưởng Hồ Đăng H5 đã cung cấp các hóa đơn chứng từ liên quan đến lô dầu đang vận chuyển, không có bất cứ nội dung nào xác định số lượng dầu trên tàu là không đạt chuẩn thì cơ sở nào Lực lượng Cảnh sát biển khẳng định tại thời điểm đó đã xác định được hàng hóa này là không đúng quy định. Đến thời điểm Lực lượng Vùng Cảnh sát biển 2 thực hiện việc phá khoá lấy mẫu giám định ngày 03/01/2024, tức sau gần 4 ngày sau khi dừng tàu kiểm tra thì vẫn chưa có bất kỳ cơ sở là hình ảnh, tài liệu hay Biên bản ghi nhận nào của Cơ quan này xác định số hàng trên tàu là hàng hoá không có hoá đơn. Và càng chưa có kết quả giám định của một tổ chức giám định có thẩm quyền nào xác định số hàng hoá là dầu DO trên tàu không có chỉ tiêu lưu huỳnh vượt quá tiêu chuẩn. Vậy cùng xác định thời điểm lúc dừng tàu kiểm tra, lực lượng Cảnh sát biển Vùng 2 không có bất cứ cơ sở nào theo đúng quy định để dừng tàu và khi kiểm tra lại không tuân thủ đúng trình tự kiểm tra theo quy định của pháp luật mà chỉ dựa vào sự chủ quan, cản trở hoạt động bình thường của tàu thuyền đang di chuyển hợp pháp.

Cũng tại phần trình bày của BTL Vùng CSB 2 có trình bày *“việc khám hay không khám phương tiện thủ tục hành chính không làm ảnh hưởng đến bản chất vụ việc”* là một ý kiến không đúng với nguyên tắc công dân sống và làm việc theo pháp luật, thực hiện không đúng quy định của pháp luật. Hơn nữa, là một cơ quan thực thi pháp luật Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển khi thực hiện nhiệm vụ của mình phải đúng chức năng, nhiệm vụ, trình tự thủ tục và quyền hạn của mình để tôn trọng hoạt động hợp pháp của công dân, tránh ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của công dân. Tại khoản 4, khoản 5 Điều 7 Luật Cảnh sát biển cũng quy định rõ các hành vi bị nghiêm cấm bao gồm *“lợi dụng, lạm dụng chức vụ, quyền hạn vị trí công tác của cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát biển Việt Nam để vi phạm pháp luật; xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân”* và *“Cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát biển Việt Nam nhúng nhẽu, gây khó khăn đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động hợp pháp trên biển.”*. Ở đây, Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển nếu không tuân thủ đúng trình tự, không có cơ sở khám nhưng vẫn khám, không tuân thủ đúng quy trình khám theo quy định của pháp luật là đã xâm phạm nghiêm trọng đến quyền lợi của công dân thì liệu rằng ý kiến này quá bảo thủ, chủ quan và không tôn trọng hoạt động hợp pháp của công dân hay không? BTL Vùng CSB 2 luôn khẳng định quá trình thực hiện nhiệm vụ từ thời điểm lên tàu để kiểm tra đều đúng quy định như chấp hành nghiêm các quy định mặc quân phục... Tuy nhiên, vì sao tại Bản tường trình ngày 03/01/2024 Thuyền trưởng Hồ Đăng H5 lại xác định những người lên tàu mặc đồ dân sự và không xuất trình giấy tờ chứng minh là lực lượng cảnh sát biển.

Thứ hai, về mặt nội dung Quyết định, Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 2 xác định Công ty T6 có hành vi “mua hàng hoá (dầu DO chỉ tiêu lưu huỳnh không đạt yêu cầu) không có giấy tờ chứng minh tính hợp pháp của hàng hoá” là không có cơ sở.

Toàn bộ số hàng hoá là 49.175 lít dầu DO được lưu trữ trên tàu ĐNa-0480 là được Công ty T6 mua từ Công ty TNHH T7 (sau đây viết tắt là Công ty T7) và

Công ty TNHH T8 (sau đây viết tắt là Công ty T8). Số hàng hoá là 49.175 lít dầu DO này đều được mua trước tháng 6/2022 có đầy đủ chứng từ, hóa đơn mua bán hợp pháp và lượng hàng hóa này đều đã được ghi nhận trong Sổ kho dầu DO. Công ty T6 không có việc mua bán hàng hóa không có chứng từ, nên việc Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 2 xác định số hàng hóa lưu trữ trên tàu ĐNa-0480 không có chứng từ là hoàn toàn không đúng.

Đồng thời, theo Sổ kho dầu DO năm 2022 - 2023 của Công ty T6 thì từ sau ngày 18/6/2022 Công ty không có hoạt động nhập dầu về kho cho đến thời điểm tàu ĐNa-0480 được đưa lên đà sửa chữa tại Công ty Cổ phần K3.TECH và đến thời điểm bị lực lượng Vùng Cảnh sát biển 2 kiểm tra. Trên thực tế, kể từ sau ngày 07/7/2022 đến nay, Công ty T6 không có hoạt động mua, bán kinh doanh xăng dầu do Giấy chứng nhận của hàng đủ điều kiện bán lẻ dầu DIEZEL số 114/GCNĐĐ-SCT do Sở Công Thương thành phố Đ cấp đã hết hạn. Căn cứ sổ lưu kho dầu của Công ty, các hoá đơn, chứng từ mua bán đối với Công ty T7, Công ty T8 và tình hình hoạt động thực tế thì có cơ sở xác định toàn bộ số dầu DO được lưu trữ trên tàu ĐNa-0480 có nguồn gốc là hoàn toàn hợp pháp.

Ngoài ra, Vùng Cảnh sát biển 2 cho rằng tàu ĐNa-0480 có dấu hiệu vi phạm vận chuyển hàng hoá trái phép, nhưng tổ tuần tra lại không tiến hành lập biên bản vi phạm về phạm tội quả tang tại thời điểm kiểm tra hay có bất kỳ hình ảnh, tài liệu chứng minh có dấu hiệu của hành vi vi phạm. Vì vậy, có cơ sở để xác định rằng Công ty T6 không có hành vi vi phạm pháp luật như Vùng Cảnh sát biển 2 đã kết luận.

2. Đối với Quyết định giải quyết khiếu nại số 2718/QĐ-BTL ngày 13/6/2024 của Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 2 và Quyết định số 10204/QĐ-CSB ngày 19/09/2024 của Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam.

Ngày 13/6/2024, Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 2 có Quyết định số 2718/QĐ-BTL về việc giải quyết khiếu nại của Giám đốc Công ty T6 (lần đầu) với nội dung không chấp nhận các yêu cầu khiếu nại của chúng tôi đối với Quyết định số 10/QĐ-XPHC mà không giải quyết dựa trên quyền và lợi ích hợp pháp của chúng tôi.

Đến ngày 19/9/2024, Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam có Quyết định số 10204/QĐ-CSB về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) có nội dung công nhận và giữ nguyên nội dung Quyết định giải quyết khiếu nại lần 1 của Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 2. Nhận thấy, quá trình giải quyết kiến nghị và khiếu nại của Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam và Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 2 không xem xét, đánh giá giải quyết toàn diện vụ việc làm ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty T6 bởi các cơ sở sau:

Thứ nhất, Công ty T6 có hoạt động gửi dầu trên thực tế

Theo Tờ trình số 01 ngày 26/5/2023 và Tờ trình số 02 ngày 28/12/2023 của Công ty T6 gửi Trạm Biên phòng M về việc đề nghị cho T2 chở dầu ĐNa-0480 được phép di chuyển từ Âu thuyền T đến cuối cảng Dầu khí khu vực triển đà, xưởng sửa chữa Hải quân với mục đích chuyển số lượng 49.175 lít để tàu lên đà

sửa chữa và nhận lại 49.175 lít dầu DO sau khi xuống đà sửa chữa. Các văn bản này đều được Trạm biên phòng M ký chấp thuận. Tại văn bản trình bày của mình, Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển đã cho rằng các chứng cứ mà chúng tôi giao nộp là mâu thuẫn hoàn toàn với khẳng định trước đó của Giám đốc Công ty trong phiên đối thoại với đồng chí Đại tá Doãn Ngọc T1 đề nghị ngừng tính chính xác tài liệu chúng tôi cung cấp là chưa phù hợp. Bởi câu trả lời của Giám đốc Công ty xác nhận không có biên bản gửi hàng không phải tờ trình, hơn hết thời điểm đó đang làm việc tại quý Cơ quan ông K chưa thực hiện kiểm tra kỹ lại hồ sơ, do đó không thể trình bày ngay tại thời điểm đó hoàn toàn có thể lý giải được. Tại Tờ trình số 02 ngày 28/12/2023 với nội dung Công ty T6 đề nghị đã được phê duyệt của Trạm Biên phòng M và có dấu xác nhận của cơ quan, đó là chứng cứ mà chúng tôi không thể tự tạo ra được.

Tại Biên bản đối thoại với người khiếu nại ngày 11/6/2024, tổ xác minh của BTL Vùng CSB 2 có đưa ra căn cứ sau: *“Căn cứ vào kết quả xác minh, làm việc với Công ty Cổ phần K3.TECH và Chi cục Đăng kiểm số D đều khẳng định thời gian từ ngày 06/07/2023 đến 02/10/2023, tàu ĐNa-480 có thực hiện sửa chữa định kỳ và đăng kiểm, quá trình tra các khoang kết, hầm hàng do K1 định viên và nhân viên sửa chữa đều khẳng định không có hàng hoá (Dầu DO) trên tàu”*. Theo đó, số lượng dầu được ghi nhận tại Tờ trình của Công ty gửi Trạm Biên phòng M và thời gian sửa chữa đều phù hợp với Sổ kho dầu DO của Công ty T6.

Việc Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam đưa ra căn cứ là biên bản làm việc số 19/BBLV ngày 17/01/2024 của Cảng vụ trưởng cảng Quân sự thuộc Phòng T9 Hải quân: *“Từ tháng 10/2022 đến tháng 12/2023 tàu vỏ sắt không số hiệu không có bất kỳ hoạt động gì, không có hoạt động nhận dầu vào từ tàu nào hoặc hút dầu ra từ tàu vỏ sắt không số hiệu”*. Tuy nhiên, tại biên bản đối thoại với người khiếu nại ngày 11/06/2024 ông Hoàng Đức T3 đại diện Cảng vụ Q sự/Bộ Tư lệnh Vùng 3 Hải quân có trả lời: *“Trong thời gian có mặt tại đơn vị, ông T3 khẳng định không có hoạt động xuất nhập hàng hoá dầu DO giữa tàu vỏ sắt không số hiệu với tàu Đna-0480 tại khu vực cảng do đơn vị quản lý. Ngoài thời gian trên, ông Hoàng Đức T3 không biết”*.

Vì vậy, việc Tư lệnh Cảnh sát biển, Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 2 dựa trên căn cứ này là chưa phù hợp với thực tế khách quan.

Thứ hai, toàn bộ dầu DO trên tàu ĐNa-0480 có đầy đủ hoá đơn hợp pháp và chỉ tiêu lưu huỳnh tăng lên do quá trình bảo quản kéo dài, có sự trộn lẫn từ nhiều lần nhập hàng khác nhau.

Như đã nêu thì toàn bộ số Dầu DO được lưu trữ trên tàu ĐNa 0480 được Công ty T6 mua từ Công ty T7 và Công ty T8 có đầy đủ chứng từ, hoá đơn mua bán hợp pháp theo đúng quy định pháp luật.

Từ tháng 7/2022 đến cuối năm 2023, Công Lý L không có hoạt động kinh doanh mua, bán xăng dầu do Giấy phép kinh doanh chưa được gia hạn. Ngoài ra, Công ty T6 chỉ thực hiện việc đăng ký tàu ĐNa 0480 tại Sở Công thương thành

phổ Đ để thực hiện kinh doanh và lưu trữ xăng dầu. Do đó, lô dầu trên tàu ĐNa 0480 là lô dầu được trộn lẫn giữa các lô dầu mua từ Công ty T8 và Công ty T7 cộng với lượng dầu tồn từ trước điều này được thể hiện tại sổ kho dầu của Công ty T6.

Theo biên bản làm việc số 13/BB-LV ngày 09/01/2024: Bà Huỳnh Thị Tố N xác nhận Công ty T7 có ký kết hợp đồng và bán hàng (dầu DO) cho Công ty T6; Về chất lượng của số dầu DO trên theo Chứng thư giám định (số 22631195 ngày 18/3/2022 có hàm lượng lưu huỳnh 148 mg/kg, số 22631276 ngày 25/4/2022 có hàm lượng lưu huỳnh 250 mg/kg, số 22631338 ngày 22-23/5/2022 có hàm lượng lưu huỳnh 280 mg/kg).

- Theo biên bản làm việc số 17/BB-LV ngày 16/01/2024: Bà Lê Thị H6 xác nhận lô dầu mà Công ty T8 đã bán cho Công ty T6 vào ngày 25/3/2022 đều có hàm lượng lưu huỳnh từ 148mg/kg - 310 mg/kg, theo chứng thư giám định số 22631188 ngày 15/3/2022.

Tại văn bản trình bày ý kiến của BTL Vùng CSB 2 cũng xác nhận có nội dung dẫn chứng biên bản làm việc với bà Huỳnh Thị Tố N (Phó Giám đốc Công ty T7 và bà Lê Thị H6 (Giám đốc Công ty TNHH T8) đều xác định tại thời điểm tháng 5, 6/2022 vẫn có bán dầu cho Công ty T6 tức có hoạt động mua bán tại thời điểm đó. Việc cả 02 đại diện công ty đều cho rằng lô dầu này không phải lô dầu đã nhập từ 02 công ty là chưa đủ cơ sở, vì chỉ dựa vào chỉ số lưu huỳnh vượt quá nên không nhận là hàng của mình là không đúng. Ngay từ đầu, chúng tôi đều khẳng định nguyên nhân chỉ số lưu huỳnh vượt quá là do lưu trữ trong thời gian dài nên có sự biến đổi về chỉ số lưu huỳnh chứ không khẳng định là dầu lúc nhập không đảm bảo. Việc chỉ số lưu huỳnh tăng lên bởi lý do khách quan này hoàn toàn không phải do lỗi của chúng tôi. Do đó, không thể căn cứ vào lời khai không có cơ sở và kết quả giám định dầu tại thời điểm này để nói chúng tôi vi phạm được, bởi lô hàng đúng là được nhập từ 02 công ty trên và được lưu trữ đến hôm nay.

Như vậy, hàm lượng lưu huỳnh trong mỗi lần nhập dầu đều khác nhau, không thống nhất, đồng đều. Dựa theo tính chất hoá học của lưu huỳnh và Dầu DO thì việc trộn lẫn nhiều lô dầu có hàm lượng lưu huỳnh khác nhau sẽ dẫn đến việc làm tăng mức lưu huỳnh cho lô dầu.

Bộ Tư lệnh cảnh sát biển có nêu một ví dụ về việc trộn lẫn các lô dầu DO có hàm lượng khác nhau và xác định về nguyên tắc hàm lượng lưu huỳnh không thể tăng cao được. Chúng tôi cho rằng, đây chỉ là nhận định rất chủ quan, bởi hiện nay không có một cơ sở nào khẳng định việc trộn lẫn các lô dầu cách nhau về thời gian nhập với hàm lượng khác nhau là không làm tăng hàm lượng lưu huỳnh nhiều, trường hợp trộn một lượng lớn dầu có hàm lượng lưu huỳnh cao vào dầu có hàm lượng lưu huỳnh thấp, chỉ số lưu huỳnh có thể tăng lên đáng kể chứ không thể nào xác định được là không tăng nhiều.

Do đó, chúng tôi khẳng định lô dầu trên có hàm lượng lưu huỳnh cao là do điều kiện khách quan, chúng tôi không có hành vi nhập hàng hóa không có giấy

phép và Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 10/QĐ-XPHC ngày 26/01/2024 và Quyết định giải quyết khiếu nại số 2718/QĐ-BTL ngày 13/06/2024 của Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 2, Quyết định số 10204/QĐ-CSB ngày 19/09/2024 của Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam là không đúng và ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của chúng tôi.

Trên cơ sở các nội dung trình bày nêu trên, chúng tôi kính đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chúng tôi:

- Hủy bỏ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 10/QĐ-XPHC ngày 26/01/2024 của Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 2 về hành vi “*mua hàng hoá (dầu DO chỉ tiêu lưu huỳnh không đạt yêu cầu) không có giấy tờ chứng minh tính hợp pháp của hàng hoá*” đối với Công ty TNHH T6.

- Hủy bỏ Quyết định số 2718/QĐ-BTL ngày 13/06/2024 của Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 2 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Hữu K - Giám đốc Công ty TNHH T6 (lần đầu).

- Hủy bỏ Quyết định số 10204/QĐ-CSB ngày 19/09/2024 của Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH T6 (lần hai).

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện, bà Phạm Thị T4 thống nhất với lời trình bày của người đại diện theo pháp luật và người đại diện theo uỷ quyền của Công ty T6.**

*** Trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên toà, người bị kiện Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 2 trình bày:**

I. Quá trình giải quyết vụ việc

1. Kết quả xử lý vụ việc

a) Diễn biến vụ việc

Vào lúc 00 giờ 00 ngày 31/12/2023, Tổ công tác BTL Vùng CSB 2 phát hiện và tiến hành kiểm tra tàu vỏ sắt số hiệu ĐNa 0480 tại toạ độ 16⁰05'57N” - 108⁰14'22”E có dấu hiệu nghi vấn vận chuyển hàng hoá trái phép từ Vịnh Đ về Cảng cá Âu thuyền T Quang/Đà Nẵng. Tại thời điểm kiểm tra, trên tàu có 03 thuyền viên, do ông Hồ Đăng H5 (SN 1994); trú quán tại: xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị làm thuyền trưởng, cả 03 thuyền viên đều không có bằng cấp, chứng chỉ chuyên môn, không có Sổ thuyền viên theo quy định; về hàng hoá, theo lời khai của thuyền trưởng, trên tàu ĐNa 0480 đang chứa khoảng 25.000 lít dầu DO thuộc sở hữu của Công ty T6 và cung cấp 04 hoá đơn GTGT (nhập tháng 5, 6 năm 2022) của Công ty T7 bán dầu DO cho Công ty T6.

BTL Vùng CSB 2 đã tiến hành tiến hành lập biên bản ghi nhận vụ việc; biên bản làm việc; lập Biên bản và ra Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện để điều tra, xác minh, xử lý vụ việc theo quy định của pháp luật.

b) Kết quả điều tra, xác minh

Quá trình điều tra, xác minh, BTL Vùng CSB 2 đã phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị chức năng có liên quan và chính quyền địa phương làm rõ vụ việc theo đúng trình tự, thủ tục, quy định của pháp luật. Trên cơ sở những tài liệu, chứng cứ thu thập được và kết quả điều tra, xác minh, BTL Vùng CSB 2 xác định Công ty T6 và Thuyền trưởng tàu ĐNa-0480 đã thực hiện hành vi vi phạm pháp luật và tiến hành lập Biên bản vi phạm hành chính đối với tổ chức, cá nhân có liên quan.

c) Kết quả xử lý vụ việc

Căn cứ vào kết quả điều tra, xác minh và các tài liệu có trong hồ sơ vụ việc, ngày 26/01/2024, Tư lệnh Vùng CSB 2 đã ban hành:

Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 10/QĐ-XPHC đối với Công ty T6 về hành vi “*Mua hàng hóa (dầu DO) không có giấy tờ chứng minh tính hợp pháp của hàng hóa*” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 15 Nghị định số 162/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trên các vùng biển, đảo và thềm lục địa của N1 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 23/2017/NĐ-CP ngày 13/3/2017 của Chính phủ và Nghị định số 37/2022/NĐ-CP ngày 06/6/2022 của Chính phủ.

Hình thức xử phạt chính: Phạt tiền 55.000.000 đồng; hình thức xử phạt bổ sung: tịch thu 36.961 lít dầu DO (ở nhiệt độ thực tế) là tang vật vi phạm.

- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 11/QĐ-XPHC đối với ông Hồ Đăng H5 - Thuyền trưởng tàu ĐNa-0480, về hành vi: “*Vận chuyển hàng hóa (dầu DO) không có giấy tờ chứng minh tính hợp pháp của hàng hóa*” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 15 Nghị định số 162/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 23/2017/NĐ-CP ngày 13/3/2017 và Nghị định số 37/2022/NĐ-CP ngày 06/6/2022 của Chính phủ: “*Sử dụng phương tiện không đủ định biên theo quy định*”, theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 21 Nghị định số 139/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ. Tổng số tiền xử phạt là 30.000.000 đồng.

2. Kết quả giải quyết Đơn khiếu nại

a) Kết quả giải quyết Đơn khiếu nại lần 1

Ngày 25/4/2024, Công ty T6 đã có Đơn khiếu nại Quyết định xử phạt hành chính gửi Tư lệnh Vùng CSB 2. Ngay sau khi nhận được đơn khiếu nại của Công ty T6 do ông Nguyễn Hữu K làm Giám đốc, BTL Vùng CSB 2 đã tổ chức tiếp nhận, giải quyết đơn khiếu nại đúng theo trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Khiếu nại. Đối với 04 vấn đề nêu trong đơn khiếu nại lần đầu của Công ty T6, BTL Vùng CSB 2 đã nghiên cứu, trả lời rõ ràng từng vấn đề.

Ngày 13/6/2024, Tư lệnh BTL Vùng CSB 2 đã ra Quyết định số 2718/QĐ-BTL về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Hữu K - Giám đốc Công ty T6 (lần 1).

b) Kết quả giải quyết Đơn khiếu nại lần 2

Ngày 05/7/2024, Công ty T6 đã có Đơn khiếu nại Quyết định xử phạt hành chính gửi Tư lệnh BTL Cảnh sát biển Việt Nam. Ngay sau khi nhận được đơn khiếu nại lần 2 của Công ty T6, BTL Cảnh sát biển Việt Nam đã tổ chức tiếp nhận, giải quyết đơn khiếu nại đúng theo trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Khiếu nại.

Qua nghiên cứu hồ sơ vụ việc và hồ sơ giải quyết khiếu nại lần đầu của BTL Vùng CSB 2, Bộ nhận thấy nội dung khiếu nại của Công ty T6 không có nội dung, tình tiết mới làm thay đổi bản chất vụ việc.

Việc Công ty T6 (trụ sở tại số B N, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng) bị lực lượng BTL Vùng CSB 2 phát hiện, lập Biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC ngày 18/01/2024; Tư lệnh Vùng CSB2 ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 10/QĐ-XPHC ngày 26/01/2024 theo quy định tại Nghị định số 162/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trên các vùng biển, đảo và N1 sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 23/2017/NĐ-CP ngày 13/3/2017 của Chính phủ và Nghị định số 37/2022/NĐ-CP ngày 06/6/2022 của Chính phủ là đúng với hành vi vi phạm đã thực hiện, tuân thủ đúng trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền, đúng quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Ngày 19/9/2024, Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam đã ra Quyết định số 10204/QĐ-CSB về việc giải quyết khiếu nại của Công ty T6 (lần 2).

II. Nội dung khởi kiện của Công ty T6 và ý kiến của BTL Vùng CSB 2.

1. Đối với Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 10/QĐ-XPHC ngày 26/01/2024 của Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 2

a) Ý kiến của Công ty T6

Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 10/QĐ-XPHC được ban hành không đúng trình tự, thủ tục và nội dung không phù hợp quy định pháp luật. Cụ thể:

Thứ nhất, về trình tự, thủ tục, lực lượng Vùng CSB 2 không thực hiện việc khám phương tiện vận tải, đồ vật không đúng trình tự thủ tục.

Thứ hai, về mặt nội dung Quyết định, Tư lệnh Vùng CSB 2 xác định Công ty T6 có hành vi “mua hàng hóa (dầu DO chỉ tiêu lưu huỳnh không đạt yêu cầu) không có giấy tờ chứng minh tính hợp pháp của hàng hóa” là không có cơ sở.

b) BTL Vùng CSB 2 ý kiến như sau:

* *Nội dung thứ nhất*: BTL Vùng CSB 2 không tiến hành khám tàu ĐNa- 0480 theo thủ tục hành chính với các lý do sau:

Việc khám phương tiện vận tải, đồ vật là biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính chỉ áp dụng trong trường hợp cần thiết được quy định tại khoản 2 Điều 120 Luật xử lý vi phạm hành chính 2012, được sửa đổi, bổ sung năm 2020. Trong quá trình kiểm tra, Tổ công tác/BTL Vùng CSB 2 đã xác định được

vị trí nơi cất giấu hàng hoá nghi là tang vật của vụ việc (*tại các hầm hàng của tàu ĐNa-0480*).

Việc khám hay không khám phương tiện (tàu ĐNa-0480) theo thủ tục hành chính không làm ảnh hưởng đến bản chất của vụ việc.

- Quá trình thực hiện nhiệm vụ từ thời điểm lên tàu ĐNa-0480 để kiểm soát đến khi tổ chức lấy mẫu giám định số lượng hàng hoá được lực lượng thuộc BTL Vùng CSB 2 thực hiện bảo đảm khách quan, đúng trình tự thủ tục, quy định pháp luật. Cụ thể:

+ Khi lên tàu kiểm tra, Tổ công tác/BTL Vùng CSB 2 đã tiến hành hoạt động kiểm tra, kiểm soát theo quy định tại Thông tư số 15/2019/TT ngày 11/12/2019 của Bộ Q2 quy định quy trình tuần tra, kiểm tra soát của Cảnh sát biển Việt Nam. Cụ thể:

++ Quá trình tiếp cận, lên tàu kiểm tra, Tổ kiểm tra kiểm soát chấp hành nghiêm các quy định từ mang mặc quân phục, tư thế tác phong, chào xưng danh thông báo nội dung kiểm tra, yêu cầu thuyền trưởng tàu ĐNa 0480 chấp hành việc kiểm tra, kiểm soát và cung cấp các giấy tờ, tài liệu có liên quan về phương tiện, hàng hoá và thuyền viên trên tàu ĐNa 0480 theo đúng quy định.

++ Thiết lập biên bản, hồ sơ ban đầu của vụ việc đảm bảo đầy đủ, chặt chẽ, khách quan và đúng trình tự thủ tục (*Biên bản ghi nhận vụ việc làm việc, Bản tường trình đối với thuyền trưởng và thuyền viên trên*).

++ Ngay sau khi kiểm tra tàu ĐNa-0480, ngày 31/12/2024 Cảnh sát biển B đã ra Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính số 07/QĐ-BTL; xây dựng kế hoạch và tổ chức lực lượng canh gác bảo đảm an toàn cho tang vật, phương tiện bị tạm giữ.

+ BTL Vùng CSB 2 tiến hành lấy mẫu giám định số lượng đúng trình tự, thủ tục, đúng quy định của pháp luật:

++ Trong quá trình kiểm tra, xử lý Tổ kiểm tra của BTL Vùng CSB 2 đã nhiều lần yêu cầu bằng mệnh lệnh/lời nói về việc mở khoá các hầm hàng kiểm tra (*theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 17 Thông tư số 15/2019/TT-BQP*), nhưng thuyền trưởng tàu ĐNa-0480 không chấp hành nên BTL Vùng CSB 2 đã thực hiện yêu cầu bằng văn bản (*Giấy mời số 01/GM-BTL ngày 02/01/2024*).

++ Ngày 02/01/2024, B1 đã ra Quyết định trưng cầu giám định gửi cho thuyền trưởng Hồ Đăng H5 (*có ký khi nhận*), khi gửi Quyết định cán bộ Cảnh sát biển đã yêu cầu bằng lời nói, đề nghị Thuyền trưởng và Công ty T6 hợp tác mở khóa các hầm hàng để BTL Vùng CSB 2 lấy mẫu. Sau đó, tiếp tục gửi Giấy mời cho Công ty - do Thuyền trưởng Hồ Đăng H5 thay mặt Công ty trực tiếp ký nhận (*gửi lúc 10h, khám lúc 15h ngày 03/01/2024*).

++ Từ khi Tổ kiểm tra kiểm soát lên tàu kiểm tra đến khi tổ chức cất khoá để lấy mẫu giám định chất lượng, tại vị trí các hầm hàng được Công ty T6 khoá bằng

ổ khoá vẫn còn nguyên trạng (do phía Công ty chưa cung cấp chìa khoá để mở khoá các hầm hàng).

++ Do BTL Vùng CSB 2 nhiều lần yêu cầu, nhưng Công ty T6 và Thuyền trưởng không tiến hành mở khoá nên BTL Vùng CSB 2 buộc phải phá khoá để giám định chất lượng nhằm bảo đảm thực hiện đúng quy định của pháp luật về thời gian cho hoạt động điều tra, xử lý. Việc tổ chức cắt khoá để mở các hầm hàng được tiến hành một cách khách quan, có sự chứng kiến của đại diện chính quyền địa phương và đại diện của Công ty V2 (tại Biên bản ghi nhận vụ việc số 02/BB-GNVV ngày 03/01/2024 về việc lấy mẫu giám định) và được quay video, chụp hình lại toàn bộ quá trình lấy mẫu giám định.

++ Ngay sau khi lấy mẫu xong, BTL Vùng CSB 2 và giám định viên của V2 tiến hành niêm phong lại các hầm hàng (đã cắt khoá trước đó) một cách khách quan, có sự chứng kiến và ký tên của: Đại diện BTL Vùng CSB 2, đại diện V2, đại diện UBND Phường T (tại Biên bản niêm phong tang vật, phương tiện VPHC số 01/BB-NPTG ngày 03/01/2024 và Biên bản niêm phong của V).

++ Khi tiến hành giám định khối lượng lúc 14h00 ngày 11/01/2024 tại tàu ĐNa-0480, BTL Vùng CSB 2 đã tiến hành đầy đủ các trình tự, thủ tục theo quy định, bảo đảm khách quan, cụ thể: Trước khi tiến hành giám định, đã gửi giấy mời số 04/GM-BTL cho Công ty T6, Thuyền trưởng, chính quyền địa phương UBND Thọ Quang; lập Biên bản mở niêm phong số 01/BB- MNP ngày 11/01/2024; lập Biên bản ghi nhận vụ việc số 03/BB-GNVV ngày 11/01/2024. Ngay sau khi kết thúc giám định, BTL Vùng CSB 2 và giám định viên của V2 tiến hành niêm phong lại các hầm hàng, có sự chứng kiến và ký tên của: Đại diện BTL Vùng CSB 2, UBND Thọ Quang, Công ty T6, Thuyền trưởng ĐNa-0480, V2 (theo Biên bản niêm phong số 02/BB-NPTG ngày 11/01/2024 và Biên bản kiểm tra xác định hàng hoá ngày 11/01/2024 của V2).

+ Khi niêm phong không niêm phong ống nhập dầu, kết đo lường dầu, không làm sai lệch kết quả giám định vì: Trước thời điểm lực lượng thuộc BTL Vùng CSB 2 tạm giữ thì phía Công ty T6 và Thuyền trưởng tàu ĐNa-0480 không khoá và đến thời điểm tổ chức lấy mẫu giám định số lượng thì hiện trạng của đường ống nhập dầu và kết đo lường dầu trên tàu ĐNa-0480 còn nguyên trạng (tại Biên bản ghi nhận vụ việc số 03/BB-GNVV ngày 11/01/2024); 02 vị trí này tuy có thông với ngăn chứa dầu nhưng theo thiết kế, dầu chỉ có thể vào được, không thể lấy ra được (do không có đường ống nối đáy, mà chảy từ trên xuống).

- Số lượng dầu bị tịch thu trên tàu ĐNa-0480 là số lượng dầu thực tế có trên tàu, không có sự sai lệch về số lượng.

+ Quá trình làm việc với BTL Vùng CSB 2, thuyền trưởng cố tình cung cấp các thông tin sai lệch về số lượng (04 hoá đơn GTGT thể hiện số lượng là 68.180 lít dầu DO, bản thân thuyền trưởng thì khai báo là 25.000 lít); quá trình gửi đơn khiếu nại đến BTL Vùng CSB 2, Bộ và Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng, Công ty T6 cố tình nêu ra các dẫn chứng để cho rằng BTL Vùng CSB 2 làm sai lệch số

lượng dầu DO thực tế có trên tàu nhằm làm sai lệch bản chất của vụ việc và hạ thấp uy tín của lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam.

+ Hoạt động trưng cầu giám định số lượng được thực hiện đúng quy trình, cơ quan giám định (V2) là cơ quan có chức năng và trực tiếp thực hiện việc giám định. Quá trình giám định số lượng có sự tham gia và chứng kiến của Giám đốc Công ty T6, thuyền trưởng, đại diện chính quyền địa phương UBND phường T và giám định viên của V2. Kết luận giám định theo Chứng thư giám định số 23E02GND01396-01 ngày 10/01/2024 của V2 là hoàn toàn khách quan, theo đúng quy định của pháp luật.

+ Theo như khai báo của Thuyền trưởng (*Tại Biên bản ghi nhận vụ việc 01/BB-GNVV ngày 31/12/2023*) thì tại thời điểm BTL Vùng CSB 2 kiểm tra trên tàu chứa khoảng 25.000 lít dầu DO, số lượng này có sự chênh lệch, ít hơn nhiều so với số lượng dầu DO thực tế theo Chứng thư giám định số lượng của V2 (*theo chứng thư giám định thì số lượng dầu DO là 36.961 lít*).

* *Về việc cung cấp tài liệu tại Biên bản làm việc số 04/BB-LV ngày 02/01/2024*: Trong Đơn khởi kiện gửi Toà án, Công ty T6 cho rằng đã cung cấp đầy đủ các hoá đơn chứng từ của lô hàng tại Biên bản làm việc số 04/BB-LV ngày 02/01/2024.

BTL Vùng CSB 2 làm rõ như sau: Tại Biên bản làm việc số 04/BB-LV ngày 02/01/2024 do đ/c Thiếu tá Nguyễn Tuấn A - Đội trưởng lập có chữ ký xác nhận của ông Hồ Đăng H5 - Thuyền trưởng tàu ĐNa-0480 thì ngoài các văn bản, tài liệu liên quan đến điều kiện hoạt động của phương tiện và giấy tờ của thuyền viên, ông H5 chưa cung cấp được các hoá đơn, chứng từ có liên quan chứng minh tính hợp pháp của số hàng hoá đang bị BTL Vùng CSB 2 tạm giữ trên đề tàu ĐNa-0480 (*theo lời khai ban đầu của thuyền trưởng là khoảng 25.000 lít tuy nhiên 04 hoá đơn GTGT lại thể hiện số lượng là 68.180 lít dầu DO*).

* *Nội dung thứ hai*: Về mặt nội dung Quyết định, Tư lệnh Vùng CSB 2 xác định Công ty T6 có hành vi “*mua hàng hóa (dầu DO chỉ tiêu lưu huỳnh không đạt yêu cầu) không có giấy tờ chứng minh tính hợp pháp của hàng hóa*” là không có cơ sở.

Căn cứ vào kết quả điều tra, xác minh, BTL Vùng CSB 2 có đầy đủ căn cứ, tài liệu để xác định số dầu DO trên tàu ĐNa-0480 không có giấy tờ chứng minh tính hợp pháp của hàng hoá. Vì vậy, Tư lệnh Vùng CSB 2 ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm của Công ty T6 là khách quan, đúng trình tự, thủ tục và đúng quy định của pháp luật. Với các lý do sau:

Một là, theo lời khai của chủ hàng và thuyền trưởng (*tại Biên bản làm việc số 02/BB-LV ngày 31/12/2023 và số 08/BB-LV ngày 05/01/2024*) thì số lượng hàng hoá (dầu DO) trên tàu ĐNa-0480 tại thời điểm bị lực lượng thuộc BTL Vùng CSB 2 tạm giữ là hàng tồn, được Công ty T6 mua từ Công ty T8 và Công ty T7, hàng hoá (dầu DO) trên tàu ĐNa-0480 bảo đảm chất lượng theo quy định.

Tuy nhiên, kết quả điều tra, xác minh của BTL Vùng CSB 2 xác định hàng hoá (dầu DO) bị tạm giữ trên tàu ĐNa-0480 tại thời điểm kiểm tra không phù hợp với số hàng hoá được mua từ Công ty T8 và Công ty T7 theo các hoá đơn, chứng từ mà Công ty T6 xuất trình. Vì số dầu DO trên tàu ĐNa-0480 có hàm lượng lưu huỳnh cao hơn nhiều so với hàm lượng lưu huỳnh của số dầu DO mà Công ty T8 và Công ty T7 bán cho Công ty T6, thể hiện:

Theo khai báo, nội dung hồ sơ của Công ty T6 và thuyền trưởng cung cấp thì số dầu trên tàu ĐNa-0480 là số dầu DO còn tồn, có nguồn gốc mua từ Công ty T8 và Công ty T7, có hàm lượng lưu huỳnh dao động từ 148-310 mg/kg, đều đạt yêu cầu so với tiêu chuẩn quốc gia TCVN 5689- 2013 và được phép lưu thông trên thị trường.

Tuy nhiên, theo kết quả giám định tại Chứng thư giám định số 23E02GND01396-01 ngày 10/01/2024 của V2, thì số dầu DO trên tàu ĐNa-0480 có hàm lượng lưu huỳnh là 1.086 mg/kg (*không đạt yêu cầu so với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 5689-2013 chưa đủ điều kiện lưu thông trên thị trường*), có hàm lượng lưu huỳnh gấp từ 4 - 7 lần so với chỉ số hàm lượng lưu huỳnh của số dầu DO mà Công ty T8 và Công ty T7 bán cho Công ty T6.

Qua làm việc với bà Huỳnh Thị Tô N - Phó Giám đốc Công ty T7 (*tại Biên bản làm việc số 13/BB-LV ngày 09/01/2024*), bà N xác nhận Công ty T7 có ký kết hợp đồng và bán hàng (dầu DO) cho Công ty T6 (*năm 2022*); về nguồn gốc số dầu DO đã bán cho Công ty T6, được Công ty T7 nhập từ nhà máy L1. Về chất lượng của số dầu DO mà Công ty T7 cung cấp cho Công ty T6 theo 03 chứng thư giám định của Công ty cổ phần G1 (E), gồm: Chứng thư số 22631195 ngày 18/3/2022 có hàm lượng lưu huỳnh 148 mg/kg; Chứng thư số 22631276 ngày 25/4/2022 có hàm lượng lưu huỳnh 250 mg/kg; Chứng thư số 22631338 ngày 22-23/5/2022 có hàm lượng lưu huỳnh 280 mg/kg). Tại Biên bản làm việc ngày 21/5/2024, bà Huỳnh Thị Tô N khẳng định “*Công ty T6 là đại lý bán lẻ xăng dầu thuộc hệ thống của Công ty T7 đến hết ngày 06/7/2022; Đối với lô hàng (dầu DO) trên tàu ĐNa-0480 thuộc sở hữu của Công ty T6 bị lực lượng thuộc BTL Vùng CSB 2 bắt giữ ngày 31/12/2023, có chỉ số phẩm chất, chất lượng vượt ngưỡng cho phép lưu hành trên thị trường không phải là lô hàng (dầu DO) mà công ty T7 cung cấp trước đó*”.

- Kết quả làm việc với bà Lê Thị H6, Giám đốc Công ty T8 (*tại Biên bản làm việc số 17/BB-LV ngày 16/01/2024*) bà H6 xác nhận và khẳng định lô dầu DO mà Công ty T8 đã bán cho Công ty T6 vào ngày 25/3/2022 có hàm lượng lưu huỳnh đạt yêu cầu tiêu chuẩn quốc gia dưới 500 mg/kg (148mg/kg - 310 mg/kg) theo chứng thư giám định số 22631188 ngày 15/3/2022 của Công ty cổ phần G1 (EIC); còn lô dầu hiện tại trên tàu ĐNa-0480 đang bị BTL Vùng CSB2 tạm giữ có chỉ tiêu chất lượng không bảo đảm, không phải là lô dầu mà Công ty T8 đã bán cho Công ty T6.

Hai là, đại diện Công ty T6 khai báo, trước khi tàu ĐNa-0480 lên đà sửa chữa (*vào ngày 07/6/2023*) và sau khi sửa chữa xong xuống đà (*vào ngày 02/10/2023*)

thì tàu ĐNa-0480 có gửi dầu và nhận lại dầu từ một tàu vỏ sắt không số hiệu cùng thuộc sở hữu của Công ty T6 đang neo đậu tại khu vực C Đà Nẵng thuộc quản lý của Bộ Tư lệnh Vùng 3 Hải quân (*tại Biên bản làm việc số 18/BB-LV ngày 16/01/2024 và Biên bản làm việc số 21/BB-LV ngày 18/01/2024*).

Qua điều tra, xác minh BTL Vùng CSB 2 khẳng định tại thời điểm trước và sau khi tàu ĐNa-0480 lên đà không có hoạt động gửi, nhận lại dầu giữa tàu ĐNa-0480 với tàu vỏ sắt không số hiệu, tàu ĐNa-0480 không chứa hàng hoá (dầu DO). Cụ thể:

- Qua làm việc với Cục Đ (*tại Biên bản làm việc số 06/BB- LV ngày 05/01/2024*) và Công ty Cổ phần K3.TECH (*tại Biên bản làm việc số 09/BB-LV ngày 06/01/2024*), các cơ quan nêu trên đều khẳng định trong khoảng thời gian từ ngày 07/6/2023 đến ngày 02/10/2023, tàu ĐNa-0480 có thực hiện sửa chữa định kỳ và đăng kiểm. Quá trình kiểm tra các khoang kết, hầm hàng tàu ĐNa-0480 do Kiểm định viên và nhân viên sửa chữa thực hiện đều khẳng định không có hàng hóa (dầu DO) trên tàu.

- Theo khẳng định của Cảng vụ trưởng Cảng vụ Quân sự Đ1 thuộc Phòng T10 mưu/Bộ Tư lệnh Vùng 3 Hải quân (*tại Biên bản làm việc số 19/BB-LV ngày 17/01/2024*): Vị trí neo đậu của tàu vỏ sắt không số hiệu (theo khai báo của Công ty T6 là tàu nhận dầu gửi và giao lại dầu cho tàu ĐNa-0480) thuộc khu vực quản lý của Cảng vụ Quân sự Đ1 mưu/Bộ Tư lệnh Vùng 3 Hải quân, thời gian neo đậu từ tháng 10/2022 đến thời điểm lực lượng thuộc B1 kiểm tra, bắt giữ. Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2022 đến tháng 12/2023, tàu vỏ sắt không số hiệu không có bất kỳ hoạt động gì, không có hoạt động nhận dầu từ bất kỳ tàu nào hoặc hút dầu ra từ tàu vỏ sắt này. Quá trình trực gác, đơn vị quản lý không phát hiện bất kỳ phương tiện nào tiếp cận tàu vỏ sắt không số hiệu.

Từ thời điểm kiểm tra đến thời điểm BTL Vùng CSB 2 kết luận điều tra, xác minh vụ việc (*ngày 25/01/2024*), Công ty T6 vẫn không cung cấp được bất cứ tài liệu, giấy tờ gì có liên quan đến việc gửi dầu và nhận lại dầu của tàu ĐNa-0480 với tàu vỏ sắt không số hiệu trong khoảng thời gian từ ngày 07/6/2023 đến ngày 02/10/2023.

* *Về việc thiết lập Biên bản ban đầu của BTL Vùng CSB 2*: Trong Đơn khởi kiện gửi Tòa án, Công ty T6 có đưa ra nội dung “BTL Vùng CSB 2 cho rằng tàu ĐNa-0480 có dấu hiệu vi phạm vận chuyển hàng hoá trái phép, nhưng Tổ tuần tra lại không lập Biên bản phạm tội quả tang tại thời điểm kiểm tra hay có bất kỳ hình ảnh, tài liệu chứng minh có dấu hiệu của hành vi vi phạm. Vì vậy, có cơ sở để xác định rằng Công ty T6 không có hành vi vi phạm như Vùng CSB 2 đã kết luận”.

Nội dung này BTL Vùng CSB 2 trả lời như sau: Trong quá trình tuần tra, kiểm soát BTL Vùng CSB 2 phát hiện tàu ĐNa-0480 có dấu hiệu “*nghi vấn vận chuyển hàng hoá trái phép*” nhưng không lập Biên bản phạm tội quả tang, vì chưa xác định dấu hiệu tội phạm nên không thực hiện các quy định của Luật Tố tụng hình sự. Mặt khác, trong quá trình điều tra, xử lý nếu xét thấy hành vi vi phạm có

dấu hiệu tội phạm thì BTL Vùng CSB 2 có thể chuyển hồ sơ vụ vi phạm cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự *(theo quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 được sửa đổi, bổ sung năm 2020)*.

2. Đối với Quyết định giải quyết khiếu nại số 2718/QĐ-B 13/6/2024 của Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 2 và Quyết định số 10204 ngày 19/9/2024 của Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam

a) Ý kiến của Công ty T6

- *Thứ nhất*, tàu ĐNa-0480 không có hoạt động di chuyển ra khu vực vùng Vịnh Đ như kết luận của BTL Vùng CSB 2 và khu không thuộc thẩm quyền của Cảnh sát biển Việt Nam.

- *Thứ hai*, Công ty T6 có hoạt động gửi dầu trên thực tế.

- *Thứ ba*, toàn bộ dầu DO trên tàu ĐNa-0480 có đầy đủ hóa đơn hợp pháp và chỉ tiêu lưu huỳnh tăng lên do quá trình bảo quản kéo dài, có nhiều lần nhập hàng khác nhau.

b) BTL Vùng CSB 2 ý kiến như sau

* *Nội dung thứ nhất*: Tàu ĐNa-0480 không có hoạt động di chuyển ra khu vực vùng Vịnh Đ như kết luận của B1 và khu vực kiểm tra không thuộc thẩm quyền của Cảnh sát biển Việt Nam.

- BTL Vùng CSB 2 khẳng định có đủ tài liệu, căn cứ chứng minh tàu ĐNa-0480 có hoạt động di chuyển từ khu vực Vịnh Đ về Âu thuyền T trước khi tàu cập cảng bị lực lượng BTL Vùng CSB 2 tiến hành kiểm tra ngay sau đó. Cụ thể:

+ Tại Biên bản ghi nhận vụ việc số 01/BB-GNVV, có chữ ký của Thuyền trưởng và người chứng kiến (ông Lý Nam L) thể hiện nội dung “*tàu ĐNa 0480 đang hành trình từ cửa Vịnh Đ về hướng Âu thuyền T*”. Tổ công tác đã tiến hành kiểm tra tàu ĐNa-0480 tại khu vực Âu thuyền T Trà/Đà Nẵng.

+ Bản tường trình ngày 31/12/2023 của ông Hồ Đăng H5 - Thuyền trưởng tàu ĐNa-0480 thể hiện: “*tôi ngày 31/12/2023 tôi có điều khiển tàu đi cấp nước cho một tàu cá nhưng không cấp được và quay về, đến khi về Âu thuyền cảng cá Thọ Q1 thì bị Cảnh sát biển kiểm tra*”, trong Bản tường trình hoàn toàn không đề cập đến vị trí cấp nước là ở khu vực Âu thuyền T như nội dung trong Đơn khởi kiện của Công ty T6.

+ Tại Biên bản làm việc số 03/BB-LV ngày 31/12/2023 với ông Trần Văn T5 - Thuyền viên trên tàu thể hiện: “*Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 31/12/2023, tôi đang làm việc trên tàu thì được ông H5 - Thuyền trưởng tàu ĐNa-0480 bảo tôi cùng đi cấp nước cho tàu cá ngoài khu vực vịnh. Tôi cùng đi với ông H5 ra khu vực vịnh Đ, nhưng sau đó đợi khoảng hơn một giờ đồng hồ nhưng không thấy tàu cá đến nên chúng tôi di chuyển tàu ĐNa-0480 về khu vực cảng cá Âu thuyền T, Đà Nẵng*”. Tiếp tục khẳng định tàu ĐNa-0480 có hành trình ra khu vực vịnh Đ để cấp nước.

- BTL Vùng CSB 2 khẳng định khu vực kiểm tra tàu ĐNa-0480 thuộc thẩm quyền của lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam. Cụ thể:

+ Theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật Cảnh sát biển Việt Nam quy định: *“Cảnh sát biển Việt Nam hoạt động trong vùng biển Việt Nam để thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật này”*.

+ Theo quy định Luật biển Việt Nam năm 2012, Vùng biển Việt Nam bao gồm: Nội thủy, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, đặc quyền kinh tế, thềm lục địa. Trong đó nội thủy được quy định cụ thể tại Điều 9 *“Nội thủy là vùng nước tiếp giáp với bờ biển, ở phía trong đường cơ sở và là bộ phận lãnh thổ của Việt Nam”*. Âu thuyền Thọ Q1 là vùng nước nối liền với vịnh Đà Nẵng là vùng nước bên trong đường cơ sở, là một bộ phận của vùng nước nội thủy.

+ Hoạt động kiểm tra đối với tàu ĐNa-0480 là một hoạt động liên tục từ khi phát hiện tàu di chuyển từ ngoài khu vực cửa Vịnh Đ về Cảng cá Âu thuyền T. BTL Vùng CSB 2 khẳng định, tại thời điểm trước, trong và sau khi phát hiện, kiểm tra tàu ĐNa-0480 lực lượng chức năng thuộc B1 có hoạt động tuần tra, kiểm soát trên tàu thuyền dân sự tại khu vực vùng biển Đà Nẵng và được tiến hành trên cơ sở quy định của pháp luật. Cụ thể:

+ Phòng Phòng chống Tội phạm vi phạm/BTL Vùng CSB 2 đã xây dựng các kế hoạch thực hiện công tác nghiệp vụ theo quy định về hoạt động nghiệp vụ của *(Kế hoạch số 5832/KH-TPVP ngày 29/11/2023 về thực hiện đợt cao điểm đấu tranh phòng chống TPVP Tết Nguyên đán Giáp Thìn 2024; Kế hoạch số 6061/KH-TPVP ngày 11/12/2023 về đấu tranh phòng, chống hoạt động mua bán, vận chuyển, sang mạn hàng hóa trái phép trên địa bàn khu vực vùng biển Quảng Nam, Đà Nẵng; Kế hoạch số 226/KHĐTĐBG-V2-TP-Đ3 ngày 30/12/2023 về đấu tranh, bắt giữ tàu ĐNa-0480 thuộc Công ty TNHH T6 có hành vi mua, bán, vận chuyển dầu DO trái phép trên biển)*.

+ Tổ công tác/BTL Vùng CSB 2 thực hiện việc tuần tra, kiểm tra, kiểm soát trên tàu thuyền dân sự theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 15/2019/TT-BQP ngày 11/02/2019 của Bộ Q2 và Hướng dẫn 7491/HD-BTL ngày 01/7/2019 của BTL Cảnh sát biển về thực hiện một số điều của Thông tư số 15/2019/TT-BQP *(có Kế hoạch tuần tra, kiểm tra, kiểm soát trên tàu thuyền dân sự số 6106/KH-TPVP ngày 12/12/2023 được Tư lệnh Vùng CSB2 phê duyệt tại Quyết định 6107/QĐ-BTL ngày 12/12/2023; Quyết định phân công chỉ huy Tuần tra, kiểm tra, kiểm soát và thành lập Tổ kiểm tra, kiểm soát số 6109/QĐ-BTL ngày 12/12/2023 của Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 2)*.

Các văn bản, kế hoạch trên đều là văn bản nghiệp vụ và được xác định là tài liệu mật, do đó không thể cung cấp cho Công ty T6.

* *Nội dung thứ hai:* Công ty T6 có hoạt động gửi dầu trên thực tế.

BTL Vùng CSB 2 khẳng định có đầy đủ căn cứ để chứng minh Công ty T6 không có hoạt động gửi, nhận lại dầu DO giữa tàu ĐNa-0480 với tàu vỏ sắt không

số hiệu trong thời gian trước khi lên đà sửa chữa và sau khi xuống đà (sửa chữa xong). Cụ thể:

- Từ thời điểm kiểm tra tàu ĐNa-0480 đến khi kết thúc giải quyết khiếu nại lần đầu và lần hai (ngày 19/9/2024). Mặc dù, BTL Vùng CSB 2 đã nhiều lần yêu cầu Công ty T6 cung cấp các giấy tờ, bằng chứng chứng minh hoạt động gửi dầu và nhận lại dầu của tàu ĐNa-0480 nhưng Công ty T6 không cung cấp được bất kỳ hồ sơ, tài liệu gì chứng minh cho hoạt động gửi và nhận dầu nêu trên (tại Biên bản làm việc số 08/BB-LV ngày 05/01/2024 và Biên bản làm việc số 15/BB-LV ngày 15/01/2024).

- Khi tổ chức đối thoại giải quyết khiếu nại lần đầu và lần hai giữa BTL Vùng CSB 2, BTL Cảnh sát biển Việt Nam với đại diện Công ty T6, trong phần ý kiến tham gia của người đối thoại Đại tá Doãn Ngọc T1 - Phó Tư lệnh pháp luật/BTL Vùng CSB 2 đã hai lần đặt câu hỏi cho Giám đốc Công ty T6 với nội dung “*Khi xin phép và khi gửi dầu có giấy tờ gì xác nhận không?*” thì trong cả hai lần đối thoại, Giám đốc công ty đều khẳng định “*Quá trình gửi hàng do nhân viên và thuyền trưởng có gọi điện cho Trạm biên phòng M xin phép, do gửi dầu trên tàu của Công ty nên không có biên bản gửi hàng*” (nội dung này được thể hiện cụ thể trong Biên bản đối thoại với người khiếu nại có chữ ký xác nhận của Giám đốc Công ty T6).

Tuy nhiên, trong Đơn khởi kiện gửi Toà án, Công ty T6 trình bày có 02 Tờ trình có xác nhận của Trạm Biên phòng M liên quan đến hoạt động gửi và nhận lại dầu. Trong tài liệu Công ty cung cấp cho Toà án có 01 Biên bản nhận hàng giữa Thuyền trưởng với Giám đốc Công ty vào ngày 28/12/2023 (trùng với thời gian của Tờ trình số 02 mà công ty M), trong phần căn cứ của Biên bản này có thể hiện “*Căn cứ biên bản gửi hàng số 03 ngày 26/5/2023*”. Những nội dung trên mà Công ty T6 cung cấp mâu thuẫn hoàn toàn với khẳng định ở trước đó của Giám đốc Công ty khi trả lời câu hỏi trong buổi đối thoại trực tiếp lần đầu và lần hai với BTL Vùng CSB 2 và BTL Cảnh sát biển Việt Nam.

Từ những cơ sở nêu trên, BTL Vùng CSB 2 đề nghị Toà án kiểm tra, xác minh tính xác thực của thông tin, tài liệu mà Công ty T6 đã cung cấp.

- Tại Biên bản làm việc số 19/BB-LV ngày 17/01/2024 với ông T3 là Cảng vụ trưởng Cảng vụ quân sự thể hiện “*Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2022 đến tháng 12/2023, tàu vỏ sắt không số hiệu không có bất kỳ hoạt động gì, không có hoạt động nhận dầu từ bất kể tàu nào hoặc hút dầu ra từ tàu vỏ sắt không số hiệu. Quá trình trực gác, đơn vị quản lý không phát hiện bất kỳ phương tiện nào tiếp cận tàu vỏ sắt không số hiệu*” nhưng sau đó tại Biên bản đối thoại lần đầu ông T3 lại cho biết, chỉ khẳng định nội dung trên trong thời gian ông T3 ở đơn vị còn ngoài thời gian trên ông T3 không biết. BTL Vùng CSB 2 cho rằng nội dung trả lời của ông T3 tại buổi đối thoại lần đầu chưa đảm bảo tính khách quan. Cụ thể:

- + Trên cương vị là Cảng vụ trưởng, khi vắng tại đơn vị ông T3 phải bàn giao nhiệm vụ cho cấp phó hoặc cấp dưới thuộc quyền. Trong thời gian đó người được

giao thay thế thực hiện các nội dung công việc, khi có nội dung liên quan vẫn phải báo cáo bằng các hình thức khác nhau (*trực tiếp, gián tiếp hoặc bàn giao khi trở về đơn vị*) bao gồm cả hoạt động gửi và nhận dầu của tàu ĐNa- 0480 với tàu vỏ sắt đang neo đậu tại khu vực quản lý của Cảng vụ (*nếu có*).

+ Địa điểm gửi dầu theo khai báo của công ty là khu vực C quân sự thuộc quản lý của Cảng vụ quân sự/BTL Vùng 3 Hải quân được bảo vệ, giám sát chặt chẽ; mọi phương tiện khi ra vào khu vực sẽ chịu sự kiểm soát. Do đó, hoạt động gửi và nhận lại dầu của tàu ĐNa-0480 diễn ra ngay tại khu vực Cảng vụ quân sự quản lý trong thời gian dài không thể không chịu sự giám sát của đơn vị.

+ Mặt khác, trong khoảng thời gian từ ngày 07/6/2023 đến ngày 02/10/2023, ông T3 chưa cho biết vắng mặt tại đơn vị từ khi nào? Khi ông T3 đi vắng Công ty T6 làm việc với ai để xin phép vào khu vực cảng? Cụ thể thời gian nào? Giấy tờ liên quan ký với ai? Việc gửi dầu, nhận lại dầu để lên đà sửa chữa như khai báo của Công ty T6 diễn ra trong thời gian gần 04 tháng, ông T3 là Cảng vụ trưởng không thể không nắm được.

Để đảm bảo tính khách quan, nội dung này đề nghị quý Toà cho gọi các bên có liên quan để kiểm chứng, đối chất.

- Dầu DO là hàng hoá nguy hiểm, là mặt hàng kinh doanh có điều kiện, do đó việc lưu trữ, chuyển tải, sang mạn phải được thực hiện trên cơ sở đảm bảo các quy định của pháp luật có liên quan:

+ Xăng dầu được lưu trữ tại kho phải đảm bảo các điều kiện về phòng cháy chữa cháy theo quy định tại Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 5684:1992 về an toàn cháy các công trình xăng dầu.

+ Hoạt động sang mạn xăng dầu phải thông báo và được sự cho phép, giám sát của cơ quan chức năng (*khoản 8 Điều 4 Thông tư 69/2016/TT-BTC ngày 06/5/2016 của Bộ T11*).

Qua làm việc với Sở Công thương thành phố Đ (*tại Biên bản làm việc số 11/BB-LV ngày 08/11/2024 và Biên bản làm việc về xác minh nội dung khiếu nại ngày 20/5/2024*), cơ quan này khẳng định chỉ cấp giấy chứng nhận của hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu cho 01 phương tiện tàu dầu 50M3 ĐNa-0480 thuộc sở hữu của Công ty T6. Tàu vỏ sắt không số hiệu theo khai báo của công ty, chưa được các cơ quan chức năng cấp phép và không đủ điều kiện để lưu trữ dầu DO.

* *Nội dung thứ ba:* Toàn bộ dầu DO trên tàu ĐNa-0480 có đầy đủ hóa đơn hợp pháp và chỉ tiêu lưu huỳnh tăng lên do quá trình bảo quản kéo dài, có sự trộn lẫn từ nhiều lần nhập hàng khác nhau.

Căn cứ vào kết quả điều tra, xác minh, BTL Vùng CSB 2 khẳng định số dầu DO (chỉ tiêu lưu huỳnh không đạt yêu cầu) trên tàu ĐNa-0480 là hàng hoá không có giấy tờ chứng minh tính hợp pháp.

- Công ty T6 cho rằng việc chỉ tiêu lưu huỳnh tăng cao do quá trình bảo quản kéo dài. Nội dung này không có cơ sở, không có căn cứ, mâu thuẫn với điều kiện hoạt động của phương tiện tàu ĐNa-0480. Cụ thể:

+ Tàu ĐNa-0480, là phương tiện chuyên dụng để kinh doanh xăng dầu mặt nước, có đủ điều kiện để bảo quản, lưu trữ dầu theo quy định (*đã được Phòng Cảnh sát PCCC cấp Giấy phép vận chuyển chất, hàng nguy hiểm cháy nổ số 426/PCCC ngày 14/11/2023 còn thời hạn đến ngày 08/4/2024*).

+ Không có căn cứ, quy định nào khẳng định dầu DO được bảo quản trong các phương tiện chuyên dùng có thể biến đổi tính chất của lưu huỳnh tăng lên theo thời gian.

- Công ty T6 cho rằng chỉ tiêu lưu huỳnh tăng do có trộn lẫn từ nhiều lần nhập hàng khác nhau là không có cơ sở. Trong trường hợp này, ta có thể áp dụng cách tính bình quân để tính hàm lượng lưu huỳnh trong dầu DO.

Ví dụ: Tính hàm lượng lưu huỳnh khi trộn 03 lần nhập hàng của Công ty T6 từ Công ty T7 với tổng số lượng 135.550 lít dầu DO (*lấy chỉ số lưu huỳnh ở 03 chứng thư giám định mà công ty T7 cung cấp làm cơ sở*). Trên tổng số lượng, ta giả sử số lượng dầu Công ty nhập từ các lô lần lượt là:

- Lô 1: Lô DO số 22631195 ngày 18/3/2022 có hàm lượng Lưu huỳnh 148 mg/kg có dung tích là 35,55m³;

- Lô 2: Lô DO số 22631276 ngày 25/4/2022 có hàm lượng Lưu huỳnh 250 mg/kg có dung tích là 50m³;

- Lô 3: Lô DO số 22631338 ngày 22-23/5/2022 có hàm lượng Lưu huỳnh 280 mg/kg có dung tích là 50m³.

-> Như vậy, hàm lượng Lưu huỳnh sau khi trộn lẫn cả 3 Lô như sau:

$$S = (35,55 \times 148 + 50 \times 250 + 50 \times 280) / 135,55 = 234,3 \text{ mg/kg}$$

Về nguyên tắc sau khi trộn lẫn 03 lô có hàm lượng lưu huỳnh như trên hàm lượng lưu huỳnh không thể tăng cao được, nếu dung tích của 03 lô lớn hơn thì hàm lượng Lưu huỳnh sau khi trộn lẫn có thể tương đương 280 mg/kg (*chỉ số lưu huỳnh trung bình*). Hiện tại, kết quả test có hàm lượng rất cao (1.086 mg/kg) vượt ngưỡng cho phép.

Theo quy định của Việt Nam cho phép kinh doanh DO tại Mục 2.2.2.1 Thông tư 16/2022/TT-BKHCN ngày 15/12/2022 như sau:

Chỉ tiêu	Mức				Phương Pháp thử
	2	3	4	5	
Hàm lượng lưu huỳnh, mg/kg, không lớn hơn	500	350	50	10	TCVN 6710 (ASTM D 2622)

					TCVN 7760 (ASTM D 5453)
					TCVN 3172 (ASTM D 4294)

Từ những nội dung ý kiến trên, BTL Vùng CSB 2 đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xem xét, quyết định không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty T6.

**** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện BTL Vùng CSB 2 thống nhất với lời trình bày của người đại diện người đại diện theo ủy quyền.***

**** Trong quá trình tham gia tố tụng người bị kiện Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam trình bày:***

1. Kết quả giải quyết Đơn khiếu nại lần 2

Ngày 05/7/2024, Công ty T6 có Đơn Khiếu nại gửi Tư lệnh BTL Cảnh sát biển Việt Nam với nội dung khiếu nại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 10/QĐ-XPHC ngày 26/01/2024 của Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 2. Ngay sau khi nhận được Đơn Khiếu nại của Công ty T6 (lần 2), BTL Cảnh sát biển Việt Nam đã tiến hành tiếp nhận, giải quyết đơn khiếu nại bảo đảm đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của Luật Khiếu nại.

- Qua nghiên cứu hồ sơ vụ việc và hồ sơ giải quyết khiếu nại lần đầu của BTL Vùng CSB 2, BTL Cảnh sát biển Việt Nam nhận thấy: (i) Nội dung khiếu nại của Công ty T6 không có nội dung, tình tiết mới làm thay đổi bản chất vụ việc; (ii) Việc Công ty T6 bị lực lượng BTL Vùng CSB 2 phát hiện và lập Biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC ngày 18/01/2024; việc Tư lệnh Vùng CSB 2 ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 10/QĐ-XPHC ngày 26/01/2024 theo quy định của Nghị định số 162/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trên các vùng biển, đảo và thềm lục địa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là đúng với hành vi vi phạm pháp luật hành chính của Công ty T6; (iii) Quá trình thực thi pháp luật và áp dụng pháp luật của các lực lượng thuộc BTL Vùng CSB2 bảo đảm tuân thủ đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định pháp luật hiện hành về xử lý vi phạm hành chính.

Ngày 19/9/2024, Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam đã ra Quyết định số 10204/QĐ-CSB về việc giải quyết khiếu nại của Công ty T6 (lần 2) bảo đảm tuân thủ đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của Luật Khiếu nại.

- BTL Cảnh sát biển Việt Nam đã cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam ra Quyết định giải quyết Đơn khiếu nại (lần 2) của Công ty T6 cho Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng theo đúng quy định pháp luật về tố tụng hành chính.

2. Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 10204/QĐ-CSB ngày 19/9/2024 của Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam

Các ý kiến trong Đơn khiếu nại (lần 2) của Công ty T6 đã được tổ chức nghiên cứu, rà soát, đối chiếu kỹ với hồ sơ vụ việc. Trên cơ sở quy định pháp luật hiện hành về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, phạm vi hoạt động của Cảnh sát biển Việt Nam và quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, BTL Cảnh sát biển Việt Nam đã giải đáp rõ ràng, đầy đủ cho Công ty T6, cụ thể như sau:

a) Nội dung thứ nhất

Ý kiến của Công ty T6: Tàu ĐNa-0480 không có hoạt động di chuyển ra khu vực vùng Vịnh Đ như kết luận của BTL Vùng CSB2 và khu kiểm tra không thuộc thẩm quyền của Cảnh sát biển Việt Nam.

- Ý kiến của BTL Cảnh sát biển Việt Nam:

+ Căn cứ hồ sơ vụ việc, BTL Cảnh sát biển Việt Nam khẳng định có đủ tài liệu, căn cứ làm cơ sở chứng minh tàu ĐNa-0480 có hoạt động di chuyển từ khu vực Vịnh Đ về Âu thuyền T trước khi cập cảng và bị lực lượng thuộc BTL Vùng CSB 2 tiến hành kiểm tra ngay sau đó. Cụ thể:

(i) Tại Biên bản ghi nhận vụ việc số 01/BB-GNVV ngày 31/12/2023 có chữ ký của Thuyền trưởng là ông Hồ Đăng H5 và người chứng kiến là ông Lý Nam L có thể hiện nội dung: *“Tàu ĐNa-0480 đang hành trình từ cửa Vịnh Đ về hướng Âu thuyền T”. Tổ công tác của BTL Vùng CSB 2 đã tiến hành kiểm tra tàu ĐNa-0480 tại khu vực Âu thuyền Thọ, Q Trà/Đà Nẵng.*

(ii) Tại Bản tường trình ngày 31/12/2023 của ông Hồ Đăng H5 - Thuyền trưởng tàu ĐNa-0480 thể hiện nội dung: *“Tối ngày 31/12/2023, Tôi có điều khiển tàu đi cấp nước cho một tàu cá nhưng không cấp được và quay về, đến khi về cảng cá Âu thuyền T thì bị Cảnh sát biển kiểm tra”*; trong Bản tường trình hoàn toàn không đề cập đến vị trí cấp nước là ở khu vực Âu thuyền T như nội dung trong Đơn khởi kiện của Công ty T6.

(iii) Tại Biên bản làm việc số 03/BB-LV ngày 31/12/2023 với ông Trần Văn T5 - Thuyền viên trên tàu ĐNa-0480 thể hiện nội dung: *“Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 31/12/2023, tôi đang làm việc trên tàu thì được ông H5 - Thuyền trưởng tàu ĐNa-0480 bảo tôi cùng đi cấp nước cho tàu cá ngoài khu vực vịnh. Tôi cùng đi với ông H5 ra khu vực vịnh Đ, nhưng sau đó đợi khoảng hơn một giờ đồng hồ nhưng không thấy tàu cá đến nên chúng tôi di chuyển tàu ĐNa-0480 về khu vực cảng cá Âu thuyền T, Đà Nẵng”*. Như vậy, có thể khẳng định tàu ĐNa-0480 đã thực hiện hành trình từ Âu thuyền T ra khu vực Vịnh Đ để cấp nước.

(iv) Hoạt động kiểm tra của BTL Vùng CSB 2 đối với tàu ĐNa-0480 là một khâu trong một quá trình thực thi pháp luật được tiến hành liên tục, diễn ra từ thời điểm lực lượng BTL Vùng CSB 2 phát hiện tàu ĐNa-0480 di chuyển từ ngoài khu vực cửa Vịnh Đ về cảng cá Âu thuyền T.

+ BTL Cảnh sát biển Việt Nam xác định khu vực kiểm tra tàu ĐNa-0480 thuộc phạm vi hoạt động, địa bàn Cảnh sát biển Việt Nam được giao quản lý theo đúng quy định pháp luật hiện hành. Cụ thể:

(i) Khoản 1 Điều 11, Luật Cảnh sát biển Việt Nam năm 2018 quy định: “*Cảnh sát biển Việt Nam hoạt động trong vùng biển Việt Nam để thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật này*”.

(ii) Khoản 1 Điều 3, Luật biển Việt Nam năm 2012 quy định: “*Vùng biển Việt Nam bao gồm nội thủy, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, đặc quyền kinh tế, thềm lục địa...*”. Đồng thời, Điều 9 Luật Biển Việt Nam năm 2012 cũng quy định rõ: “*Nội thủy là vùng nước tiếp giáp với bờ biển, ở phía trong đường cơ sở và là bộ phận lãnh thổ của Việt Nam*”. Âu thuyền Thọ Q1 là vùng nước nối liền với Vịnh Đ, nằm bên trong đường cơ sở và được xác định là một bộ phận của nội thủy, vì vậy thuộc phạm vi hoạt động của Cảnh sát biển Việt Nam.

(iii) Điều 13, Luật Cảnh sát biển Việt Nam năm 2018 đã quy định rõ tại khoản 1: “*Cảnh sát biển Việt Nam tuần tra, kiểm tra, kiểm soát người, tàu thuyền, hàng hóa, hành lý nhằm phát hiện, ngăn chặn, xử lý hành vi vi phạm pháp luật trên biển*”. Các điểm a, c khoản 2 Điều 13 quy định trường hợp Cảnh sát biển Việt Nam được dùng tàu thuyền để kiểm tra, kiểm soát, gồm: “*Trực tiếp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc dấu hiệu vi phạm pháp luật*” và “*Có tố cáo, tố giác, tin báo về tội phạm, hành vi vi phạm pháp luật*”. Khoản 4 Điều 13 quy định “*Cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động trong vùng biển Việt Nam có trách nhiệm chấp hành sự kiểm tra, kiểm soát của Cảnh sát biển Việt Nam*”. Như vậy, có thể khẳng định khu vực kiểm tra thuộc phạm vi địa bàn quản lý của ; các lực lượng thuộc BTL Vùng CSB 2 có đầy đủ thẩm quyền để tiến hành kiểm tra, kiểm soát; tàu ĐNa-0480 và tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm phải chấp hành sự kiểm tra, kiểm soát của Cảnh sát biển Việt Nam.

+ BTL Cảnh sát biển Việt Nam xác định trong khoảng thời gian trước, trong, sau khi phát hiện dấu hiệu vi phạm và lên kiểm tra tàu ĐNa-0480, các lực lượng thuộc BTL Vùng CSB 2 có hoạt động tuần tra, kiểm tra, kiểm soát trên tàu thuyền dân sự tại khu vực vùng biển Đà Nẵng (được thực hiện trên cơ sở các kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và bảo đảm tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật). Cụ thể:

(i) Phòng Phòng chống tội phạm, vi phạm/BTL Vùng CSB 2 đã xây dựng các kế hoạch thực hiện công tác nghiệp vụ theo quy định về hoạt động nghiệp vụ của (Kế hoạch số 5832/KH-TPVP ngày 29/11/2023 về thực hiện đợt cao điểm đấu tranh phòng chống TPVP Tết Nguyên đán Giáp Thìn 2024; Kế hoạch số 6061/KH-TPVP ngày 11/12/2023 về đấu tranh phòng, chống hoạt động mua bán, vận chuyển, sang mạn hàng hóa trái phép trên địa bàn khu vực vùng biển Quảng Nam, Đà Nẵng; Kế hoạch số 220/KHĐTĐBG-V2-TP-Đ3 ngày 30/12/2023 về đấu tranh, bắt giữ tàu ĐNa-0480 thuộc Công ty TNHH T6 có hành vi mua, bán, vận chuyển dầu DO trái phép trên biển).

(ii) Tổ công tác/BTL Vùng CSB 2 thực hiện việc tuần tra, kiểm tra, kiểm soát trên tàu thuyền dân sự theo quy định tại Điều 11, Thông tư số 15/2019/TT- BQP ngày 11/02/2019 của Bộ trưởng Bộ Q2 và Hướng dẫn 7491/HD- BTL ngày 01/7/2019 của BTL Cảnh sát biển Việt Nam về thực hiện một số điều của Thông tư số 15/2019/TT-BQP (có Kế hoạch tuần tra, kiểm tra, kiểm soát trên tàu thuyền dân sự số 6106/KH- TPVP ngày 12/12/2023 được Tư lệnh Vùng CSB 2 phê duyệt tại Quyết định 6107/QĐ-BTL ngày 12/12/2023; Quyết định phân công chỉ huy Tuần tra, kiểm tra, kiểm soát và thành lập Tổ kiểm tra, kiểm soát số 6109/QĐ-BTL ngày 12/12/2023 của Tư lệnh Vùng CSB 2).

Các văn bản, kế hoạch trên đều là văn bản nghiệp vụ và được xác định là tài liệu thuộc phạm vi bảo vệ bí mật nhà nước, do đó BTL Vùng CSB 2 không thể cung cấp cho Công ty T6.

b) Nội dung thứ hai

Ý kiến của Công ty T6: Công ty T6 có hoạt động gửi dầu DO trên tàu ĐNa-0480 trong thực tế.

- Ý kiến của BTL Cảnh sát biển Việt Nam: Căn cứ hồ sơ vụ việc, BTL Cảnh sát biển Việt Nam khẳng định có đầy đủ căn cứ làm cơ sở chứng minh Công ty T6 không có hoạt động gửi, nhận lại dầu DO giữa tàu ĐNa- 0480 với tàu vỏ sắt không số hiệu trong khoảng thời gian trước khi tàu ĐNa-0480 lên đà sửa chữa đến khi xuống đà sửa chữa xong. Cụ thể:

+ Từ thời điểm kiểm tra tàu ĐNa-0480 đến khi kết thúc giải quyết khiếu nại lần đầu và lần hai (ngày 19/9/2024), mặc dù BTL Vùng CSB 2 đã nhiều lần yêu cầu Công ty T6 cung cấp giấy tờ, hồ sơ tài liệu hoặc bằng chứng chứng minh hoạt động gửi, nhận lại dầu DO của tàu ĐNa-0480, song Công ty T6 không cung cấp được bất kỳ giấy tờ, hồ sơ tài liệu hoặc bằng chứng nào để chứng minh có hoạt động gửi và nhận dầu trong thực tiễn (có Biên bản làm việc số 08/BB-LV ngày 05/01/2024 và Biên bản làm việc số 15/BB-LV ngày 15/01/2024 kèm theo).

+ Khi tổ chức đối thoại giải quyết khiếu nại lần đầu và lần hai giữa BTL Vùng CSB 2, BTL Cảnh sát biển Việt Nam với đại diện Công ty T6, trong phần ý kiến tham gia của người đối thoại, đồng chí Đại tá Doãn Ngọc T1 Phó Tư lệnh Pháp luật/BTL Vùng CSB 2 đã hai lần đặt câu hỏi cho Giám đốc Công ty T6 với nội dung “*Khi xin phép và khi gửi dầu Công ty T6 có giấy tờ gì xác nhận không?*” thì trong cả hai lần đối thoại, Giám đốc công ty T6 đều khẳng định “*Quá trình gửi hàng do nhân viên và thuyền trưởng có gọi điện cho Trạm Biên phòng M xin phép; do gửi dầu trên tàu của Công ty nên không có biên bản gửi hàng*” (nội dung này được thể hiện cụ thể trong Biên bản đối thoại với người khiếu nại có chữ ký xác nhận của Giám đốc Công ty T6).

Tuy nhiên, tại Đơn khởi kiện gửi Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, Công ty T6 trình bày có 02 Tờ trình, trong đó có xác nhận của Trạm Biên phòng M liên quan đến hoạt động gửi, nhận lại dầu DO của tàu ĐNa-0480. Mặt khác, trong tài liệu Công ty T6 cung cấp cho Tòa án có 01 Biên bản nhận hàng giữa Thuyền trưởng

với Giám đốc Công ty T6 ngày 28/12/2023 (trùng với thời gian của Tờ trình số 02 mà Công ty T6 gửi Trạm Biên phòng M) và trong phần căn cứ của Biên bản này thể hiện “Căn cứ biên bản gửi hàng số 03 ngày 26/5/2023”. Từ những nội dung trên, có thể nhận thấy tài liệu, bằng chứng Công ty T6 cung cấp cho Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng mâu thuẫn hoàn toàn với khẳng định trước đó của Giám đốc Công ty T6 khi trả lời câu hỏi trong các buổi đối thoại trực tiếp lần đầu, lần hai với BTL Vùng CSB 2 và BTL Cảnh sát biển Việt Nam.

Từ những cơ sở nêu trên, kính đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng kiểm tra, xác minh tính xác thực của các thông tin, tài liệu mà Công ty T6 đã cung cấp.

+ Tại Biên bản làm việc số 19/BB-LV ngày 17/01/2024 với ông Hoàng Đức T3 - Cảng vụ trưởng Cảng vụ quân sự thể hiện nội dung: “Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2022 đến tháng 12/2023, tàu vỏ sắt không số hiệu không có bất kỳ hoạt động gì, không có hoạt động nhận dầu từ bất kể tàu nào hoặc hút dầu ra từ tàu vỏ sắt không số hiệu. Quá trình trực gác, đơn vị quản lý không phát hiện bất kỳ phương tiện nào tiếp cận tàu vỏ sắt không số hiệu”. Tuy nhiên sau đó, tại Biên bản đối thoại lần đầu, ông Hoàng Đức T3 lại cho biết, chỉ khẳng định nội dung trên trong thời gian ông T3 ở đơn vị, còn ngoài thời gian trên ông T3 không biết. BTL Cảnh sát biển Việt Nam và BTL Vùng CSB 2 cho rằng nội dung trả lời của ông Hoàng Đức T3 tại buổi đối thoại lần đầu có thể đã bị tác động bởi Công ty T6 và chưa đảm bảo tính khách quan, không dựa vào cơ sở quy định trách nhiệm, quyền hạn của Cảng vụ trưởng. Cụ thể:

(i) Trên cương vị là Cảng vụ trưởng, khi vắng mặt tại đơn vị, ông Hoàng Đức T3 có trách nhiệm bàn giao nhiệm vụ cho cấp phó hoặc cấp dưới thuộc quyền. Người được giao quyền có trách nhiệm thực hiện các nội dung được ông T3 giao, nhất là trách nhiệm báo cáo bằng các hình thức khác nhau (trực tiếp, gián tiếp hoặc bàn giao khi trở về đơn vị) khi có các hoạt động làm thay đổi nguyên trạng trong phạm vi được giao quản lý, trong đó bao gồm cả hoạt động gửi và nhận dầu DO của tàu ĐNa-0480 với tàu vỏ sắt đang neo đậu tại khu vực quản lý của Đ1 (nếu có).

(ii) Địa điểm gửi dầu theo khai báo của Công ty T6 là khu vực Cảng quân sự thuộc phạm vi quản lý của Cảng vụ quân sự/BTL Vùng 3 Hải quân được bảo vệ, giám sát chặt chẽ; mọi phương tiện khi ra, vào, hoạt động trong khu vực này phải chịu sự kiểm soát của Đ1; do đó, nếu hoạt động gửi và nhận lại dầu DO của tàu ĐNa-0480 diễn ra ngay trong khu vực Cảng vụ quân sự có trách nhiệm quản lý trong một khoảng thời gian dài thì không thể nằm ngoài sự quản lý, giám sát của đơn vị.

(iii) Trong khoảng thời gian từ ngày 07/6/2023 đến ngày 02/10/2023, ông T3 chưa cho biết vắng mặt tại đơn vị từ khi nào? Khi ông T3 đi vắng Công ty T6 làm việc với ai để xin phép vào khu vực cảng? Cụ thể trong thời gian nào? Giấy tờ liên quan ký với ai? Việc gửi nhận lại dầu DO để tàu ĐNa-0480 lên đà sửa chữa như

khai báo của Công ty T6 diễn ra trong khoảng thời gian gần 04 tháng và ông Hoàng Đức T3 với cương vị, chức trách là Cảng vụ trưởng không thể không nắm được.

Từ những căn cứ nêu trên, để đảm bảo tính minh bạch, khách quan, BTL Cảnh sát biển Việt Nam kính đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng cho gọi các bên liên quan để kiểm chứng, đối chất nhằm xác định đúng sự thật khách quan về việc có hay không có hoạt động gửi, nhận lại dầu DO giữa tàu ĐNa-0480 với tàu vỏ sắt không số hiệu theo tường trình của Công ty T6.

+ Theo quy định của pháp luật hiện hành, dầu DO là hàng hoá nguy hiểm, rủi ro cao, dễ cháy nổ và là mặt hàng kinh doanh có điều kiện. Vì vậy, việc lưu trữ, chuyển tải, sang mạn phải được thực hiện trên cơ sở tuân thủ nghiêm ngặt quy định pháp luật về phòng cháy, chữa cháy; phòng, chống cháy nổ; lưu trữ, bảo quản xăng dầu; bảo vệ môi trường và các quy định khác của pháp luật có liên quan, cụ thể:

(i) Xăng dầu được lưu trữ tại kho phải đảm bảo các điều kiện về phòng cháy chữa cháy theo quy định tại Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 5684:1992 về An toàn cháy các công trình xăng dầu.

(ii) Hoạt động sang mạn xăng dầu phải thông báo và được sự cho phép, giám sát của cơ quan chức năng (*khoản 8 Điều 4 Thông tư số 69/2016/TT-BTC ngày 06/5/2016 của Bộ T11*).

Qua làm việc với Sở Công thương thành phố Đ (*tại Biên bản làm việc số 11/BB-LV ngày 08/11/2024 và Biên bản làm việc về xác minh nội dung khiếu nại ngày 20/5/2024*), cơ quan này khẳng định chỉ cấp giấy chứng nhận của hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu cho 01 phương tiện tàu dầu 50M3 ĐNa-0480 thuộc sở hữu của Công ty T6. Tàu vỏ sắt không số hiệu theo khai báo của Công ty T6 chưa được các cơ quan chức năng cấp phép và không đủ điều kiện để lưu trữ dầu DO.

c) Nội dung thứ ba

- Ý kiến của Công ty T6: Toàn bộ dầu DO trên tàu ĐNa-0480 có đầy đủ hóa đơn hợp pháp và chỉ tiêu lưu huỳnh tăng lên do quá trình bảo quản kéo dài, có sự trộn lẫn từ nhiều lần nhập hàng khác nhau.

- Ý kiến của BTL Cảnh sát biển Việt Nam:

+ Căn cứ vào kết quả điều tra, xác minh vụ việc, BTL Vùng CSB 2 có đầy đủ cơ sở để khẳng định số dầu DO trên tàu ĐNa-0480 (có chỉ tiêu lưu huỳnh *không đạt yêu cầu*) là hàng hoá không có giấy tờ chứng minh tính hợp pháp. Do: (i) Công ty T6 không thể xuất trình được giấy tờ liên quan tới số dầu trên tàu ĐNa-0480. (ii) Tại thời điểm lực lượng BTL Vùng CSB 2 kiểm tra, Công ty T6 không thể chứng minh “*lô dầu DO trên tàu ĐNa-0480*” là “*hỗn hợp trộn lẫn của hai lô dầu đã được Công ty T6 mua trước đó*” (*hàm lượng lưu huỳnh vượt ngưỡng cho phép quá cao, không được phép lưu hành theo quy định pháp luật*). Như vậy, có thể xác định lô dầu DO trên tàu ĐNa-0480 là hàng hóa không có giấy tờ chứng minh tính hợp pháp, không có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng.

+ Công ty T6 cho rằng việc chỉ tiêu lưu huỳnh tăng cao do quá trình bảo quản kéo dài. Nội dung này không có cơ sở khoa học, không có căn cứ, mâu thuẫn với điều kiện hoạt động của tàu ĐNa-0480. Cụ thể:

(i) Tàu ĐNa-0480 là phương tiện chuyên dùng để kinh doanh xăng dầu mặt nước, có đủ điều kiện để bảo quản, lưu trữ dầu theo quy định (đã được Phòng Cảnh sát PCCC cấp Giấy phép số 426/PCCC ngày 14/11/2023 về vận chuyển chất, hàng nguy hiểm cháy nổ; còn thời hạn đến ngày 08/4/2024).

(ii) Không có cơ sở khoa học, căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn nào thể hiện dầu DO được bảo quản trong các phương tiện chuyên dùng lại có thể biến đổi tính chất của lưu huỳnh theo hướng tăng lên theo thời gian lưu trữ, bảo quản.

+ Công ty T6 cho rằng chỉ tiêu lưu huỳnh tăng do trộn lẫn nhiều lần nhập hàng khác nhau là không có cơ sở thực tiễn. Trong trường hợp này, có thể áp dụng cách tính bình quân để tính hàm lượng lưu huỳnh trong dầu DO.

Ví dụ: Để tính hàm lượng lưu huỳnh sau khi trộn lẫn 03 lô dầu DO (ở 03 lần nhập hàng) mà Công ty T6 mua từ Công ty T7 với tổng số lượng 135.550 lít DO (lấy chỉ số lưu huỳnh ở 03 chứng thư giám định mà công ty T7 cung cấp làm cơ sở). Trên tổng số lượng, giả sử số lượng dầu Công ty T6 nhập lần lượt là:

Lô 1: Lô DO số 22631195 ngày 18/3/2022 có hàm lượng Lưu huỳnh 148 mg/kg có dung tích là 35,55 m³;

Lô 2: Lô DO số 22631276 ngày 25/4/2022 có hàm lượng Lưu huỳnh 250 mg/kg có dung tích là 50 m³;

Lô 3: Lô DO số 22631338 ngày 22-23/5/2022 có hàm lượng Lưu huỳnh 280 mg/kg có dung tích là 50 m³.

Như vậy, hàm lượng Lưu huỳnh sau khi trộn lẫn cả 3 Lô như sau:

$$S = (35,55 \times 148 + 50 \times 250 + 50 \times 280) / 135,55 = 234,3 \text{ mg/kg}$$

Trong thực tiễn, sau khi trộn lẫn 03 lô dầu DO có hàm lượng lưu huỳnh như trên, về nguyên tắc hàm lượng lưu huỳnh không thể biến đổi theo hướng tăng cao bất thường. Trường hợp dung tích 03 lô dầu DO lớn hơn thì hàm lượng lưu huỳnh sau khi trộn lẫn có thể tương đương 280 mg/kg (khi tính chỉ số lưu huỳnh trung bình). Hiện tại, kết quả test lô dầu DO trên tàu ĐNa-0480 cho thấy hàm lượng lưu huỳnh vượt ngưỡng cho phép rất cao (1.086mg/kg). Vì vậy, có thể khẳng định lô dầu DO trên tàu ĐNa-0480 không phải là hỗn hợp trộn lẫn của các lô dầu DO đã mua trước đó mà là dầu DO không có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, Công ty T6 không có giấy tờ chứng minh tính hợp pháp của hàng hóa.

Theo Q3 về việc cho phép kinh doanh dầu DO tại Mục 2.2.2.1 của Thông tư 16/2022/TT-BKHCN ngày 15/12/2022 của Bộ K4, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Mức	Phương Pháp thử
----------	-----	-----------------

	2	3	4	5	
Hàm lượng lưu huỳnh, mg/kg, không lớn hơn	500	350	50	10	TCVN 6710 (ASTM D 2622) TCVN 7760 (ASTM D 5453) TCVN 3172 (ASTM D 4294)

Từ cơ sở thực tiễn và pháp lý nêu trên, kiến nghị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xem xét, tuyên bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty T6.

**** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam thống nhất với lời trình bày của của người bị kiện Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam.***

**** Trong quá trình tham gia tố tụng, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hồ Đăng H5 vắng mặt, tuy nhiên có văn bản trình bày ý kiến như sau:***

Thứ nhất, tại thời điểm tổ công tác của BTL Vùng CSB 2 tiến hành kiểm tra tàu ĐNa-0480 thì tàu ĐNa-0480 đang neo đậu tại Cảng cá Âu thuyền T, chỉ hoạt động tại khu vực Cảng cá Âu thuyền Thọ Quang, không có hoạt động di chuyển từ Vịnh Đ về Cảng cá T như ý kiến của BTL Vùng CSB 2. Vấn đề này, đã được tôi trình bày tại Biên bản làm việc số 01/BB-LV ngày 31/12/2023 của BTL Vùng CSB 2 có chữ ký của người làm chứng (ông Lý Nam L) thể hiện nội dung: khoảng 21h00 ngày 30/12/2023 có 01 tàu cá không rõ số hiệu có liên lạc với tôi để ra cung cấp nước ngọt tại Âu thuyền T, Đà Nẵng; tuy nhiên khi tàu ĐNa-0480 ra địa điểm đã hẹn trước thì không thấy tàu cá trên, khi tàu hành trình vào lại Âu thuyền T thì bị lực lượng Cảnh sát biển kiểm tra. Do đó, tôi khẳng định rằng tàu ĐNa-0480 không thực hiện việc di chuyển ra khu vực vùng biển thuộc vịnh Đ như Vùng Cảnh sát biển 2 đã kết luận mà chỉ hoạt động trong vùng nước tại khu vực Âu thuyền T.

Thứ hai, về ý kiến tàu ĐNa-0480 có dấu hiệu nghi vấn vận chuyển hàng hoá trái phép. Tại Biên bản ghi nhận vụ việc số 01/BB-GNVV vào lúc 00h15p ngày 31/12/2023 do đồng chí Hồ Phi V1 - Cấp bậc: Thượng úy lập thì khi tổ công tác của BTL Vùng CSB 2 tiến hành kiểm tra tàu ĐNa-0480 tôi đã cung cấp danh sách các tài liệu liên quan đến hàng hoá trên tàu cũng như các loại giấy phép có liên quan khác đến hoạt động của Tàu ĐNa-0480. Ngoài ra, tại Biên bản làm việc số 04/BB-LV ngày 02/01/2024 tôi cũng đã cung cấp bổ sung các giấy tờ liên quan đến nguồn gốc của hàng hoá cũng như giấy tờ liên quan đến điều kiện kinh doanh của T2 ĐNa-0480. Tại thời điểm kiểm tra, tổ công tác của Bộ tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 2 không có bất kỳ tài liệu gì chứng minh tàu ĐNa-0480 vận chuyển hàng hoá trái phép hay chỉ ra được những dấu hiệu nghi vấn cho rằng tàu ĐNa-0480 vận chuyển hàng hoá trái phép. Tuy nhiên, Bộ Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 2 lại luôn đưa ra lập luận rằng tàu ĐNa-0480 có dấu hiệu nghi vấn vận chuyển hàng hoá trái

phép. Do đó, đối vấn đề này tôi kính đề nghị Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng yêu cầu BTL Vùng CSB 2 chỉ ra được những cơ sở để chứng minh tàu có ĐNa 0480 có dấu hiệu nghi vấn vận chuyển hàng hoá trái phép.

Thứ ba, Theo quy định tại Điều 128 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 thì việc khám phương tiện vận tải, đồ vật phải có quyết định bằng văn bản, khi tiến hành khám phương tiện vận tải, đồ vật phải có mặt chủ phương tiện vận tải, đồ vật hoặc người điều khiển phương tiện vận tải và 01 người chứng kiến; trong trường hợp chủ phương tiện, đồ vật hoặc người điều khiển phương tiện vắng mặt thì phải có 02 người chứng kiến. Mọi trường hợp khám phương tiện vận tải, đồ vật đều phải lập biên bản. Tuy nhiên, Lực lượng Vùng cảnh sát biển 2 đã không tuân thủ quy định pháp luật nêu trên.

BTL Vùng CSB 2 cho rằng: tàu ĐNa-0480 vận chuyển hàng hoá không có giấy tờ chứng minh tính hợp pháp, do đó căn cứ Điều 119 Luật xử lý vi phạm hành chính, không cần thiết phải áp dụng biện pháp khám phương tiện theo thủ tục hành chính là trái quy định pháp luật bởi: Như đã nêu trên tại thời điểm kiểm tra Lực lượng Vùng cảnh sát biển B không có bất kỳ tài liệu chứng minh nào tàu ĐN-0480 có hành vi vận chuyển hàng hoá trái phép, chỉ nói là có dấu hiệu nhưng lại không chỉ ra được những dấu hiệu đó là dấu hiệu gì. Ngoài ra, tại thời điểm Lực lượng Vùng cảnh sát biển 2 thực hiện việc phá khoá lấy mẫu giám định thì chưa có bất kỳ cơ sở là hình ảnh, tài liệu hay Biên bản ghi nhận nào của Cơ quan này xác định số hàng trên tàu là hàng hoá không có hoá đơn. Và càng chưa có kết quả giám định của một tổ chức giám định có thẩm quyền nào xác định số hàng hoá là dầu DO trên tàu không có chỉ tiêu lưu huỳnh vượt quá tiêu chuẩn. Hơn nữa, Công ty T6 cũng đã cung cấp đầy đủ các hoá đơn chứng từ của lô hàng tại các Biên bản làm việc số 04/BB-LV vào lúc 09h ngày 02/1/2024. Như vậy, có cơ sở khẳng định BTL Vùng CSB 2 đã vi phạm quy định pháp luật về khám phương tiện vận tải.

Thứ tư, tàu ĐNa-0480 có hoạt động gửi dầu trên thực tế. Việc tàu ĐNa-0480 gửi dầu được chính tôi thực hiện và vấn đề này đã được trình bày tại Biên bản làm việc số 18/BB-LV ngày 16/01/2024. Tuy nhiên, trong suốt quá trình giải quyết BTL Vùng CSB 2 lại bỏ qua và không đề cập tới vấn đề này.

Thứ năm, về mặt nội dung Quyết định xử phạt hành chính số 11/QĐ-XPHC ngày 26/01/2024 của Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 2 xác định tôi có hành vi “*vận chuyển hàng hoá (dầu DO chỉ tiêu lưu huỳnh không đạt yêu cầu) không có giấy tờ chứng minh tính hợp pháp của hàng hoá*” là không có cơ sở.

Toàn bộ số hàng hoá là 49.175 lít dầu DO được lưu trữ trên tàu ĐNa-0480 là được Công ty T6 mua từ Công ty T7 và Công ty T8. Số hàng hoá là 49.175 lít dầu DO này đều được mua trước tháng 6/2022 có đầy đủ chứng từ, hóa đơn mua bán hợp pháp và lượng hàng hóa này đều đã được ghi nhận trong Sổ kho dầu DO và việc này đều đã tôi cung cấp các giấy tờ, văn bản có liên quan cũng như trình bày đến Lực lượng Cảnh sát biển Vùng 2 trong quá trình làm việc tại ngày 31/12/2023 và các lần làm việc sau này.

Đồng thời, theo Sổ kho dầu DO năm 2022 - 2023 của Công ty T6 thì từ sau ngày 18/6/2022 Công ty không có hoạt động nhập Dầu về kho cho đến thời điểm tàu ĐNa 0480 được đưa lên đà sửa chữa tại Công ty CP K3.TECH và đến thời điểm bị lực lượng Vùng Cảnh sát biển 2 kiểm tra. Trên thực tế, kể từ sau ngày 7/7/2022 đến nay, Công ty T6 không có hoạt động mua, bán kinh doanh xăng dầu do Giấy chứng nhận của hàng đủ điều kiện bán lẻ dầu DIEZEL số 114/GCNĐĐ-SCT do Sở Công thương thành phố Đ cấp đã hết hạn. Căn cứ, sổ lưu kho dầu của Công ty, các hoá đơn, chứng từ mua bán đối với Công ty T7, Công ty T8 và tình hình hoạt động thực tế thì có cơ sở xác định toàn bộ số dầu DO được lưu trữ trên tàu ĐNa-0480 có nguồn gốc là hoàn toàn hợp pháp.

Ngoài ra, Vùng Cảnh sát biển 2 cho rằng tội điều khiển tàu ĐNa-0480 có dấu hiệu vi phạm vận chuyển hàng hoá trái phép, nhưng tổ tuần tra lại không tiến hành lập biên bản vi phạm về phạm tội quả tang tại thời điểm kiểm tra hay có bất kỳ hình ảnh, tài liệu chứng minh có dấu hiệu của hành vi vi phạm Mặc dù, theo mục 2 Phần II bản ghi ý kiến của người bị khởi kiện số 82/BTL/PL ngày 07/01/2025, BTL Vùng CSB 2 chỉ ra rằng: Phòng Phòng chống tội phạm BTL Vùng CSB 2 đã có kế hoạch số 226/KHĐTĐBG- V2-TP-Đ3 ngày 30/12/2023 về đấu tranh, bắt giữ tàu ĐNa 0480 thuộc Công ty T6 có hành vi mua, bán, vận chuyển Dầu DO trái phép trên biển. Vì vậy, có cơ sở để xác định rằng Công ty T6 không có hành vi vi phạm pháp luật như Vùng cảnh sát biển 2 đã kết luận.

Bản án hành chính sơ thẩm số 31/2025/HC-ST ngày 31/07/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T6 đối với Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 2 và Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam.

Xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T6 về việc yêu cầu huỷ các quyết định sau:

- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 10/QĐ-XPHC ngày 26/01/2024 của Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 2 đối với Công ty TNHH T6;

- Quyết định số 2718/QĐ-BTL ngày 13/6/2024 của Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 2 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Hữu K, Giám đốc Công ty TNHH T6 (lần đầu);

- Quyết định số 10204/QĐ-CSB ngày 19/9/2024 của Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH T6 (lần hai).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/8/2025, người khởi kiện Công ty TNHH T6 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm.

Sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện Công tố và kiểm soát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng đề nghị xét xử vắng mặt đương sự và

không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện là Công ty TNHH T6 giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét nội dung kháng cáo của Công ty TNHH T6; Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Xét yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 10/QĐ-XPHC ngày 26/01/2024 của Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 2 đối với Công ty TNHH T6:

[1.1] Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 61/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết về một số điều và biện pháp thi hành Luật cảnh sát biển Việt Nam thì phạm vi hoạt động, địa bàn quản lý của Bộ tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 2 như sau: “...*Bộ Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 2 quản lý vùng biển từ đảo C tỉnh Quảng Trị đến C tỉnh Bình Định*;...”. Do đó, Tổ công tác/Bộ tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 2 có thẩm quyền hoạt động tuần tra, kiểm tra, kiểm soát trên tàu thuyền dân sự trong khoảng thời gian trước, trong, sau khi phát hiện dấu hiệu vi phạm và lên kiểm tra tàu ĐNa-0480 tại khu vực vùng biển Đà Nẵng được thực hiện trên cơ sở các kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và bảo đảm tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Khoản 6 Điều 41 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, được sửa đổi, bổ sung bởi điểm b khoản 14 Điều 1 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020 thì Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 2 có quyền phạt tiền đến 100.000.000 đồng; đồng thời áp dụng hình thức phạt bổ sung tịch thu tang vật theo quy định tại điểm d khoản 14 Điều 1 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020. Vì vậy, Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 2 ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty T6 vì có hành vi mua hàng hóa (dầu DO chỉ tiêu lưu huỳnh không đạt yêu cầu) không có giấy tờ chứng minh tính hợp pháp của hàng hóa là đúng thẩm quyền.

[1.3] Trước khi ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty T6, thì hành vi vi phạm của Công ty đã được lập biên bản và có hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính theo đúng quy định tại các Điều 57, 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính. Nội dung quyết định xử phạt vi phạm hành chính đúng quy định tại Điều 68 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

[1.4] Mức phạt tiền 55.000.000 đồng; hình thức xử phạt bổ sung tịch thu toàn bộ 36.961 lít dầu DO (ở nhiệt độ thực tế), chỉ tiêu lưu huỳnh không đạt yêu cầu là đúng quy định tại điểm d khoản 6 Điều 41 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020; điểm e khoản 2 Điều 15 Nghị định số 162/2013/NĐ-CP ngày 11/11/2013 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trên các vùng biển, đảo và thềm lục địa của N1 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 23/2017/NĐ-CP ngày 13/3/2017 của Chính phủ và Nghị định số 37/2022/NĐ-CP ngày 06/6/2022 của Chính phủ. Thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đúng quy định tại Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

[1.5] Vào lúc 0h15 phút ngày 31/12/2023 tại toạ độ 16°05’57N” - 108°14’22”E, tàu vỏ sắt số hiệu ĐNa-0480 thuộc sở hữu của Công ty T6 bị Tổ

công tác BTL Vùng CSB 2 phát hiện và tiến hành kiểm tra tàu vì có dấu hiệu nghi vấn vận chuyển hàng hoá trái phép từ Vịnh Đ về C T Quang/Đà Nẵng nên đã tiến hành lập biên bản ghi nhận vụ việc, biên bản làm việc; lập biên bản và ra quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện. Sau khi tiến hành xác minh, điều tra thu thập chứng cứ, ngày 18/01/2024 Tư lệnh Vùng cảnh sát biển 2 lập Biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC và ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 10/QĐ-XPHC ngày 26/01/2024 đối với Công ty T6 vì có hành vi mua bán dầu DO chỉ tiêu lưu huỳnh không đạt yêu cầu, không có giấy tờ chứng minh tính hợp pháp của hàng hóa.

[1.6] Công ty T6 được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đ cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0401553241 lần đầu ngày 18/9/2013, đăng ký thay đổi lần 5 ngày 14/12/2018. Công ty T6 kinh doanh theo hình thức đại lý bán lẻ xăng dầu. Trước ngày 06/7/2022, Công ty T6 được phép kinh doanh xăng dầu theo Giấy chứng nhận của hàng đủ điều kiện bán lẻ dầu Diesel số 114/GCNĐĐK-SCT ngày 07/7/2020 do Sở Công thương thành phố Đ cấp. Ngày 06/7/2022, Giấy chứng nhận hết hạn nhưng chưa được cấp mới nên Công ty T6 không được phép hoạt động.

[1.7] Theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ quy định về kinh doanh xăng dầu thì Công ty T6 là doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu theo hình thức đại lý bán lẻ xăng dầu, đã đăng ký và ký hợp đồng làm đại lý bán lẻ xăng dầu với Công ty T7. Do đó, Công ty T7 là thương nhân cung cấp xăng dầu duy nhất cho Công ty T6 để bán lẻ xăng dầu trên tàu ĐNa 0480. Tuy nhiên, theo kết quả điều tra, xác minh và thu thập tài liệu, chứng cứ thì từ tháng 4/2022 đến tháng 6/2022 ngoài việc nhập 08 chuyến dầu DO từ Công ty T7 với số lượng 135.550 lít thì Công ty T6 còn nhập 02 chuyến dầu DO từ Công ty T8 với số lượng 31.400 lít vào ngày 25/3/2023. Số dầu nhập từ Công ty T7 và Công ty T8 đều được đưa xuống và lưu trữ tại tàu ĐNa-0480 để phục vụ mục đích kinh doanh bán lẻ cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu. Do đó, Công ty T6 đã vi phạm quy định tại Điều 21 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu *“Chỉ được ký hợp đồng làm đại lý bán lẻ xăng dầu cho một tổng đại lý hoặc một thương nhân phân phối xăng dầu hoặc một thương nhân đầu mối...”*.

[1.8] Tại thời điểm tàu ĐNa-0480 bị phát hiện, kiểm tra thì theo lời khai của chủ hàng và thuyền trưởng số dầu trên tàu là số dầu DO còn tồn có nguồn gốc được Công ty T6 mua từ Công ty T8 và Công ty T7 (có hàm lượng lưu huỳnh giao động từ 148 mg/kg - 310mg/kg đều đạt so với tiêu chuẩn quốc gia TCVN). Tuy nhiên, theo Chứng thư giám định số 23E02GND01396-01 ngày 10/01/2024 và Chứng thư giám định số 23E02GND01396-02 ngày 10/01/2024 của V2 thì số dầu DO trên tàu ĐNa-0480 có số lượng là 36.961 lít, có hàm lượng lưu huỳnh 1.086mg/kg (không đạt yêu cầu so với tiêu chuẩn quốc gia, không được phép lưu hành trên thị trường) cao gấp 4 - 7 lần so với chỉ số hàm lượng lưu huỳnh của số dầu DO mà Công ty T8 và Công ty T7 cung cấp cho Công ty T6 (hàm lượng lưu huỳnh giao động từ

148 mg/kg - 310 mg/kg đều đạt yêu cầu so với tiêu chuẩn quốc gia TCVN, dưới 500 mg/kg). Do đó, có đủ căn cứ khẳng định 36.961 lít dầu DO trên tàu ĐNa-0480 không phải là dầu do Công ty T8 và Công ty T7 cung cấp. Vì số dầu DO trên tàu ĐNa-0480 có hàm lượng lưu huỳnh cao hơn nhiều so với hàm lượng lưu huỳnh của số dầu DO mà Công ty T8 và Công ty T7 bán cho Công ty T6.

[1.9] Quá trình điều tra, xác minh thu thập tài liệu chứng cứ về nguồn gốc của 36.961 lít dầu DO trên tàu ĐNa-0480 tại thời điểm lực lượng của BTL Vùng CSB 2 phát hiện, kiểm tra, thu giữ thể hiện:

Tại Biên bản làm việc số 13/BB-LV ngày 09/01/2024, bà Huỳnh Thị Tố N - Phó Giám đốc Công ty T7 xác nhận Công ty T7 có ký kết hợp đồng và bán hàng (dầu DO) cho Công ty T6 (năm 2022); về nguồn gốc số dầu DO đã bán cho Công ty T6 được Công ty T7 nhập từ nhà máy L1. Về chất lượng của số dầu DO mà Công ty T7 cung cấp cho Công ty T6 theo 03 chứng thư giám định của Công ty Cổ phần G1 (EIC), gồm: Chứng thư số 22631195 ngày 18/3/2022 có hàm lượng lưu huỳnh 148 mg/kg; Chứng thư số 22631276 ngày 25/4/2022 có hàm lượng lưu huỳnh 250 mg/kg; Chứng thư số 22631338 ngày 22-23/5/2022 có hàm lượng lưu huỳnh 280 mg/kg). Tại Biên bản làm việc ngày 21/5/2024, bà Huỳnh Thị Tố N khẳng định: *“Công ty T6 là đại lý bán lẻ xăng dầu thuộc hệ thống của Công ty T7 đến hết ngày 06/7/2022; Đối với lô hàng (dầu DO) trên tàu ĐNa-0480 thuộc sở hữu của Công ty T6 bị lực lượng thuộc BTL Vùng CSB2 bắt giữ ngày 31/12/2023, có chỉ số phẩm chất, chất lượng vượt ngưỡng cho phép lưu hành trên thị trường không phải là lô hàng (dầu DO) mà công ty T7 cung cấp trước đó”*.

Tại Biên bản làm việc số 17/BB-LV ngày 16/01/2024, Lê Thị H6 - Giám đốc Công ty T8 khẳng định lô dầu DO mà Công ty T8 đã bán cho Công ty T6 vào ngày 25/3/2022 có hàm lượng lưu huỳnh đạt yêu cầu tiêu chuẩn Quốc gia dưới 500 mg/kg (148mg/kg - 310 mg/kg) theo Chứng thư giám định số 22631188 ngày 15/3/2022 của Công ty Cổ phần G1 (EIC); còn lô dầu hiện tại trên tàu ĐNa-0480 đang bị BTL Vùng CSB2 tạm giữ có chỉ tiêu chất lượng không bảo đảm, không phải là lô dầu mà Công ty T8 đã bán cho Công ty T6.

Ngoài ra, tại Biên bản làm việc số 06/BB-LV ngày 05/01/2024 với Cục Đ và Biên bản làm việc số 09/BB-LV ngày 06/01/2024 với Công ty Cổ phần K3.TECH thì các cơ quan này khẳng định trong khoảng thời gian từ ngày 07/6/2023 đến ngày 02/10/2023, tàu ĐNa 0480 có thực hiện việc sửa chữa định kỳ và đăng kiểm nhưng không có hàng hóa (dầu DO) trên tàu. Đồng thời, theo khẳng định của Cảng vụ trưởng Cảng vụ Quân sự Đ1 thuộc Phòng T10 mưu/Bộ Tư lệnh Vùng 3 Hải Quân (tại Biên bản làm việc số 19/BB-LV ngày 17/01/2024) thì trong khoảng thời gian từ tháng 10/2022 đến tháng 12/2023, tàu vỏ sắt không số hiệu không có bất kỳ hoạt động gì, không có hoạt động nhận dầu từ bất kỳ tàu nào hoặc hút dầu ra từ tàu vỏ sắt này. Công ty T6 cũng không cung cấp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc gửi dầu và nhận lại dầu của tàu ĐNa-0480 với tàu vỏ sắt không số hiệu. Mặt khác, tại Công văn số 255/ĐBP-PCMT-TP ngày 29/5/2025 của Đoàn Biên phòng S về việc cung cấp thông tin liên quan đến vụ việc của Công ty T6 như

sau: “...Tuy nhiên, tại thời điểm trước tháng 12/2023 (thời điểm đồng chí Nguyễn Văn K2 ký phê duyệt vào 02 Tờ trình số 01 ngày 26/5/2023 và số 02 ngày 28/12/2023 của Công ty TNHH T6) thì thẩm quyền kiểm tra, kiểm soát và ký xác nhận các nội dung liên quan các phương tiện thủy nội địa được Bộ Chỉ huy Bội đội Biên phòng thành phố Đ giao cho Ban C nên tại Trạm kiểm soát biên phòng M không lưu trữ sổ sách về hoạt động xuất, nhập các phương tiện thủy nội địa trong đó có tàu ĐNa-0480”. Như vậy, tại thời điểm trước và sau khi tàu ĐNa-0480 lên đà không có hoạt động ký gửi, nhận lại dầu giữa tàu ĐNa-0480 với tàu vỏ sắt không số hiệu, tàu ĐNa-0480 không chứa dầu DO.

[1.10] Như vậy, có đủ cứ cứ xác định từ ngày 31/12/2023 đến thời điểm Bộ tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 2 kết luận điều tra, xác minh vụ việc (ngày 25/01/2024), Công ty T6 vẫn không cung cấp được bất cứ tài liệu, giấy tờ có liên quan đến nguồn gốc lô dầu; tài liệu chứng cứ chứng minh việc gửi dầu và nhận lại dầu của tàu ĐNa-0480 với tàu vỏ sắt không số hiệu trong khoảng thời gian từ ngày 07/6/2023 đến ngày 02/10/2023. Đồng thời, theo chứng minh tại phần nội dung làm việc với Công ty T8 và Công ty T7 số lượng dầu 36.961 lít DO có hàm lượng lưu huỳnh 1.086mg/kg không phải mua từ Công ty T8 và Công ty T7. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định Công ty T6 đã có hành vi mua bán hàng hóa (dầu DO chỉ tiêu lưu huỳnh không đạt yêu cầu), không có giấy tờ chứng minh tính hợp pháp của 36.961 lít dầu DO. Do đó, ngày 18/01/2024 Bộ tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 2 đã lập biên bản vi phạm và hoàn thành các thủ tục xử lý theo quy định của pháp luật. Ngày 26/01/2024, Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 2 ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 10/QĐ-XPHC đối với Công ty T6, theo đó phạt tiền 55.000.000 đồng và áp dụng hình thức xử phạt bổ sung tịch thu 36.961 lít dầu DO chỉ tiêu lưu huỳnh không đạt yêu cầu là có căn cứ, đúng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 15 Nghị định số 162/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trên các vùng biển, đảo và N1 sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 23/2017/NĐ-CP ngày 13/3/2017 của Chính phủ và Nghị định số 37/2022/NĐ-CP ngày 06/6/2022 của Chính phủ là đúng với hành vi vi phạm đã thực hiện, tuân thủ đúng trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền, đúng quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

[2] Xét yêu cầu hủy Quyết định số 2718/QĐ-BTL ngày 13/6/2024 của Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 2 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Hữu K - Giám đốc Công ty TNHH T6 (lần đầu) và Quyết định số 10204/QĐ-CSB ngày 19/9/2024 của về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH T6 (lần hai):

[2.1] Thẩm quyền ban hành, trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 218/2013/TT-BQP ngày 19/12/2023 của của Bộ Q2 thì Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 2 tương đương với Sư đoàn trưởng nên có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu. Vì vậy, Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 2 ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Nguyễn Hữu K - Giám đốc Công ty TNHH T6 đối với Quyết định hành chính số 10/QĐ-XPHC ngày 26/01/2024 của Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 2 về hành vi “Mua hàng

hóa - dầu DO chỉ tiêu lưu huỳnh không đạt yêu cầu), không có giấy tờ chứng minh tính hợp pháp của hàng hóa” là đúng thẩm quyền.

Việc thụ lý khiếu nại, xác minh nội dung khiếu nại và tổ chức đối thoại với Công ty T6 theo đúng quy định từ Điều 7 đến Điều 15 Thông tư số 218/2013/TT-BQP. Việc ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 2718/QĐ-BTL đúng thời hạn quy định tại Điều 16 của Thông tư số 218/2013/TT-BQP ngày 19/12/2023 của Bộ Q2.

[2.2] Nội dung quyết định giải quyết khiếu nại:

Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 10/QĐ-XPHC ngày 26/01/2024 của Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 2 là đúng quy định tại điểm e Khoản 2 Điều 15 Nghị định số 162/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trên các vùng biển, đảo và N1 sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 23/2017/NĐ-CP ngày 13/3/2017 của Chính phủ và Nghị định số 37/2022/NĐ-CP ngày 06/6/2022 của Chính phủ, đúng với hành vi vi phạm đã thực hiện, tuân thủ đúng trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền, đúng quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. Theo đó, nội dung giải quyết khiếu nại số 2718/QĐ-BTL ngày 13/6/2024 không chấp nhận khiếu nại của ông Nguyễn Hữu K - Giám đốc Công ty T6 đối với Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 10/QĐ-XPHC ngày 26/01/2024 là đúng quy định pháp luật.

[3] Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 2 ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 10/QĐ-XPHC ngày 26/01/2024 và Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 2718/QĐ-BTL ngày 13/6/2024 đối với Công ty T6 đúng quy định pháp luật, nên Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 10204/QĐ-CSB ngày 19/9/2024 không chấp nhận đơn khiếu nại của Công ty T6 đối với Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 2718/QĐ-BTL là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Với nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T6 là có cơ sở, phù hợp và đúng pháp luật; tại cấp phúc thẩm không cung cấp chứng cứ gì mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của Công ty T6 và giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp với đề nghị của đại diện Viện Công tố và kiểm soát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng.

[5] Theo quy định Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí và lệ phí Tòa án thì Công ty TNHH T6 phải chịu án phí hành chính sơ, phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng Hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH T6 và giữ nguyên bản án sơ thẩm số 31/2025/HC-ST ngày 31/07/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

2. Về án phí hành chính:

2.1. Công ty TNHH T6 phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tiền án phí hành chính sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007261 ngày 29/11/2024 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng; Công ty TNHH T6 đã nộp xong.

2.2. Công ty TNHH T6 phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tiền án phí hành chính phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001806 ngày 14/8/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng; Công ty TNHH T6 đã nộp xong.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VCT&KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- THADS thành phố Đà Nẵng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Thường